SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3700480244 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 21 tháng 07 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: . . ./ĐKNY do…… cấp ngày . . . tháng. . . năm . . .)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ (API.Co)
Trụ sở chính: Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650. 3712292 Fax: 0650.3712293

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG (TSC)
Trụ sở chính: 273 Kim Mã Quận Ba Đình Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 04.37262600 Fax: 04.37262601
Chi nhánh: Số 1-5 Lê Duẩn Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39106411 Fax: 08.39106153
Website: www.thanglongsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:
Ông: Nguyễn Đắc Đoàn – Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty
Địa chỉ: Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650. 3712292 Fax: 0650.3712293

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3700480244 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 21 tháng 07 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú
Loại cổ phiếu:	Phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá niêm yết:	35.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	8.640.000 cổ phiếu
(Bằng chữ: Tám triệu sáu trăm bốn mươi ngàn cổ phiếu)	
Tổng giá trị niêm yết:	86.400.000.000 đồng
(Bằng chữ:Tám mươi sáu tỷ bốn trăm triệu đồng)	

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.39103908 **Fax:** 08.39104880

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG (TSC)

Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 04.37262600 **Fax:** 04.37262601

Chi nhánh: Lầu 2, Số 1-5 Lê Duẩn, Tòa nhà Petro Việt Nam, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.39106411 **Fax:** 08.39106145

Website: www.thanglongsc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 1
1. Rủi ro về kinh tế 1
2. Rủi ro về luật pháp 1
3. Rủi ro về rào cản kỹ thuật 1
4. Rủi ro đặc thù 1
5. Rủi ro biến động giá chứng khoán 2
6. Rủi ro khác: 2
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH . 2
1. Tổ chức niêm yết 2
2. Tổ chức tư vấn 3
III. CÁC KHÁI NIỆM 3
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 4
2. Giới thiệu về Công ty 5
3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty 6
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty 7
4.1. Hội đồng quản trị 8
4.2 Giám đốc 8
4.3 Phó Giám đốc 8
4.4 Các phòng ban 8
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông tại thời điểm 13/08/2009 12
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 13
7. Hoạt động kinh doanh 13
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 27
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 29
10. Triển vọng phát triển của ngành: 30

11. Đánh giá về sự phù hợp định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế của thế giới 32
12. Chính sách đối với người lao động 34
13. Chính sách cổ tức 36
14. Tình hình hoạt động tài chính của Công ty 37
15. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng: 41
16. Tài sản 53
17. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm 2009 - 2011 55
18. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 58
19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết: 58
20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết 59
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 60
1. Loại chứng khoán 60
2. Mệnh giá 60
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 60
4. Giá dự kiến niêm yết 60
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành 60
6. Phương pháp tính giá: 61
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: 63
8. Các loại thuế có liên quan: 63
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 65
VII. PHỤ LỤC 66

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Ngành nghề của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú là xử lý, khử trùng các loại thủy hải sản, các loại rau quả, thực phẩm....bằng phương pháp chiếu xạ, hiện tại mặt hàng thủy sản chiếm đến 90% sản lượng chiếu xạ của Công ty. Vì vậy, sản lượng xuất khẩu của ngành thủy hải sản hưởng trực tiếp đến tình hình động kinh doanh của Công ty. Theo số liệu thống kê Tổng cục Thống kê và Hiệp hội kinh doanh Thuỷ sản (Vasep), kim ngạch xuất khẩu thuỷ sản của Việt Nam qua các năm 2005, 2006, 2007, 2008 lần lượt là 2,7 tỷ USD, 3,3 tỷ USD, 3,7 tỷ USD và 4,5 tỷ USD. Năm 2008 -2009, kinh tế thế giới khủng hoảng tác động xấu đến nền kinh tế của Việt Nam, gây bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty ngành thuỷ hải sản. Điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú. Vì vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế có thể tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2005, chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán.

3. Rủi ro về rào cản kỹ thuật

Thị trường các nước nhập khẩu sản phẩm hàng thủy, hải sản của Việt Nam thường có những qui định khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Những tiêu chuẩn này thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, thường là bổ sung vào danh mục các chất cấm sử dụng hoặc quy định mức tối thiểu dư lượng kháng sinh có trong sản phẩm xuất khẩu. Hiện tại các doanh nghiệp xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam phải tuân thủ các quy định chặt chẽ về chất lượng sản phẩm từ khâu thu mua đến khâu sản xuất ra thành phẩm. Trong hoạt động xuất khẩu các doanh nghiệp thường khó lường được những thay đổi về chính sách, quan hệ ngoại giao. Các vụ kiện chống bán phá giá đối với lĩnh vực cá tra, cá ba sa, tôm … xuất khẩu gây ảnh hưởng gián tiếp lên doanh thu của Công ty.

4. Rủi ro đặc thù

Ngày nay, nguồn bức xạ đang được ứng dụng ở nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội. Qua khảo sát cho thấy, một số ứng dụng của nguồn bức xạ rất thiết thực và hiệu quả. Lợi ích của nguồn bức xạ mang lại cho xã hội là rất lớn và được xã hội thừa nhận. Ngoài các lợi

ích mà nguồn bức xạ mang lại, nó cũng có thể gây ra những mối nguy hiểm lớn ảnh hưởng tới sức khoẻ con người và môi trường nếu quản lý và phòng ngừa không tốt. Các mối nguy hiểm và rủi ro mà nguồn bức xạ gây ra có hiệu ứng sinh học nhất định và ngẫu nhiên. Mức độ xảy ra phụ thuộc vào liều bức xạ, chính điều này làm cho vấn đề đảm bảo an toàn phức tạp hơn nhiều so với các loại an toàn khác, nó đòi hỏi phải có sự quan tâm, quản lý chặt chẽ của các tổ chức và cá nhân đang quản lý, sử dụng.

Bên cạnh đó, máy móc thiết bị của Công ty tương đối hiện đại, đặc thù và được nhập từ nước ngoài. Vì vậy, khi có sự cố hư hỏng lớn xảy ra thì Công ty phải mời các chuyên gia nước ngoài sang để xử lý nên ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro biến động giá chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu trên thị trường và chịu sự ảnh hưởng bởi các yếu tố: tình hình hoạt động của Công ty, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, những thay đổi quy định Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán của các Công ty….Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động lớn và ảnh hưởng đến hình ảnh, giá trị của Công ty cũng như tâm lý của nhà đầu tư.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Võ Hữu Hiệp	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vương Đình Khoát	Chức vụ: Giám đốc
Ông Nguyễn Đắc Đoàn	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Huỳnh Hồng Vĩnh	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật:	Bà. Thẩm Thị Thúy
Chức vụ:	Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long CN Tp. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Công ty Chứng khoán Thăng Long).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
- Bản cáo bạch: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú.
- Người có liên quan: Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
  - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
  - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có

quyền biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, Công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật doanh nghiệp 2005, Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 của Quốc hội số 70/2006/QH11, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- Công ty — Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú
- API.Co. — Tên viết tắt của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú
- TSCĐ — Tài sản cố định
- ĐHĐCĐ — Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT — Hội đồng quản trị
- BKS — Ban kiểm soát
- BCTC — Báo cáo tài chính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành mới nhất số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua lần đầu năm 2003 và chỉnh sửa năm 2009 theo Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Chứng khoán.

Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 3700480244 (số mới) và 4603000059 (số cũ) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/01/2003. Theo giấy phép ưu đãi đầu tư số: 73/CN-UB do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/06/2003. Công ty được ưu đãi miễn thuế thu

nhập doanh nghiệp trong 2 năm 2005, 2006 và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo.

2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
- Tên tiếng Anh: AN PHU IRRADIATION JOINT - STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: API.Co.
- Vốn điều lệ hiện tại: 86.400.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng / cổ phần

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh với dây chuyền số 1 hoạt động từ tháng 05/2005, dây chuyền số 2 đi vào hoạt động từ tháng 10/2006.

Hiện nay Công ty có 01 nhà máy rộng 15.000 m^2 đặt tại Ấp 1B, Xã An Phú, Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 1 - Tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: 1000 đồng

Thời điểm	**Nguồn tăng**	Vốn điều lệ	**Vốn nhà nước**	**Tỷ lệ**
Khi thành lập		50.000.000	0	0%
Lần 1 (10/01/2007)	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	60.000.000	0	0%
Lần 2 Từ ngày (Từ 07/05/2007 đến 10/07/2007)	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	72.000.0000	0	0%
Lần 3 (tháng 12/2007)	Phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu	86.400.000	0	0%

(Nguồn công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

1. *Đợt phát hành lần 1 (10/01/2007)*

- Vốn điều lệ tăng thêm 10 tỷ đồng tương đương 1.000.000 cổ phần
- Mục đích phát hành: Đầu tư xây dựng kho lạnh 3.000 tấn.
- Số lượng cổ đông: 8 cổ đông.
- Cơ sở phát hành: Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 10/01/2007

2. *Đợt phát hành lần 2 (Từ ngày 07/05/2007 đến ngày 10/07/2007)*

- Phát hành cho cổ đông có đóng góp đắc lực cho sự thành công của Công ty
  - Vốn điều lệ tăng thêm 2 tỷ đồng tương đương 200.000 cổ phần
  - Thời gian phát hành: 07/05/2007
  - Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động cho Công ty và niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán
  - Số lượng cổ đông: 10 cổ đông.
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu:
  - Vốn điều lệ tăng thêm 10 tỷ đồng tương đương 1.000.000 cổ phần.
  - Tỷ lệ: 6:1 (tính trên vốn điều lệ 60 tỷ)
  - Thời gian phát hành: 30/06/2007.
  - Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động cho Công ty và niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán
  - Số lượng cổ đông hiện hữu: 69 cổ đông.
- Cơ sở phát hành: Căn cứ Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường ngày 04/06/2007

3. *Đợt phát hành lần 3:*

- Vốn điều lệ tăng thêm 14,4 tỷ đồng tương đương 1.440.000 cổ phần.
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ: 5:1
- Thời gian phát hành: 18/11/2007
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động cho Công ty và niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán
- Số lượng cổ đông: 84 cổ đông.
- Cơ sở phát hành: Căn cứ Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường ngày 15/11/2007 về việc điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu phát hành theo Nghị quyết đại hội cổ đông ngày 04/06/2007.

Sau 3 đợt phát hành riêng lẻ này, Công ty đã nâng số vốn điều lệ là 86.400.000.000 đồng (Theo báo cáo số 0130/2008/BCTC-KTTV ngày 08 tháng 03 năm 2008 Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A& C cung cấp)

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, các loại dụng cụ y tế
- Dịch vụ bảo quản đông lạnh
- Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm
- Chiếu xạ bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác
- Bán buôn thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt
- Mua bán thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại

- Đầu tư tài chính

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

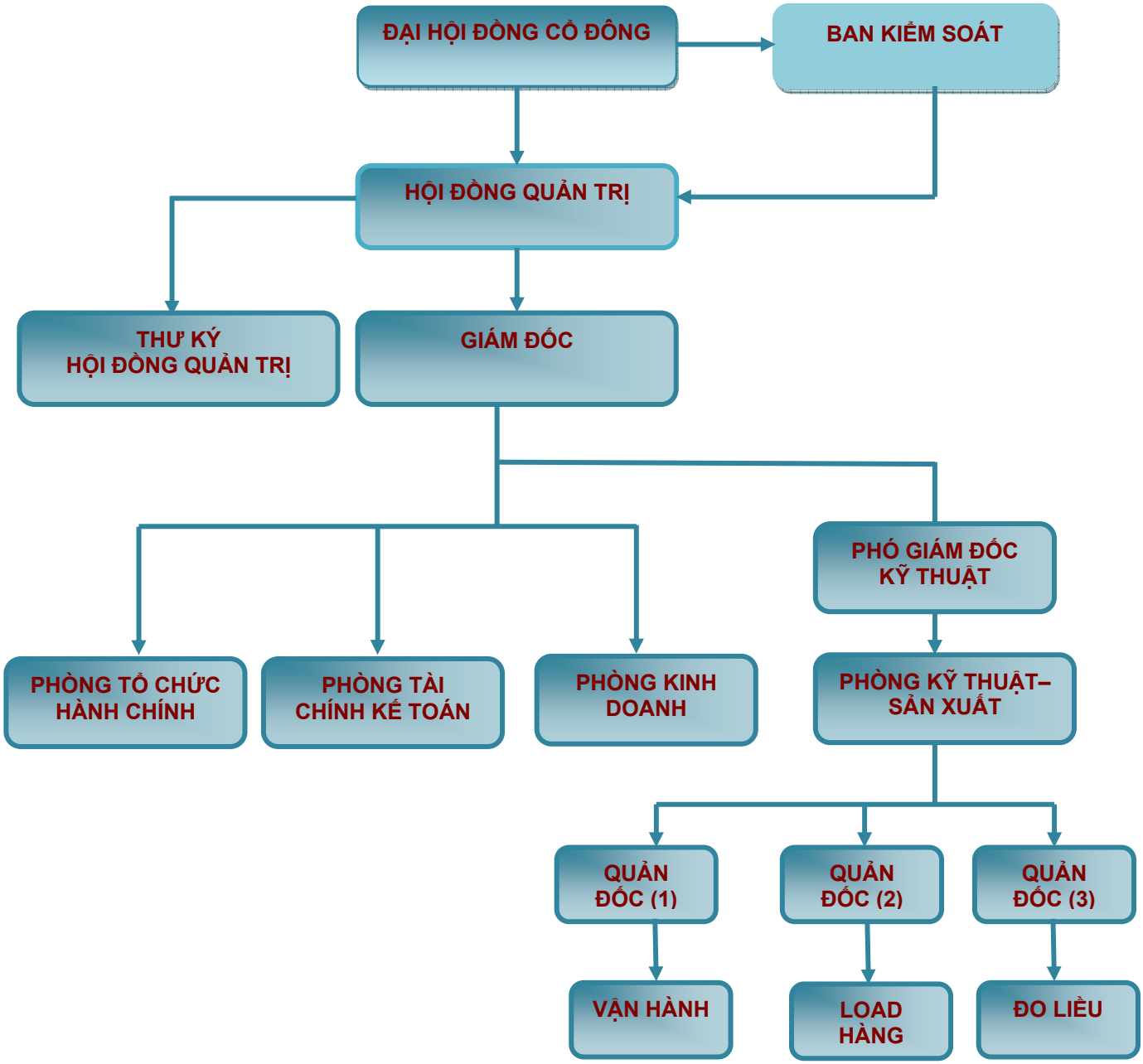

4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

4.2 Giám đốc

Giám đốc điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện Nghị quyết của HĐQT. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình. Giám đốc còn thực hiện xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trung và dài hạn, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết và trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.3 Phó Giám đốc

Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc điều hành về mặt kỹ thuật và sản xuất, chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

4.4 Các phòng ban

4.4.1 Phòng Tổ chức- Hành chính

- Quản lý con dấu của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Pháp luật về mọi sơ suất do bất cẩn, cố ý để con dấu bị mất hoặc bị người khác lấy đóng dấu;
- Chịu trách nhiệm công tác tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật;
- Tham mưu với Lãnh đạo thực hiện chế độ chính sách với người lao động theo quy định của nhà nước, Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty;
- Tổ chức lực lượng bảo vệ an toàn nội bộ, thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh lao động;
- Quản lý lao động, chấm công, thanh toán lương và các khoản Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm y tế, …
- Quản lý và sử dụng hữu hiệu các công trình công cộng;
- Lưu trữ hồ sơ của Công ty đảm bảo an toàn bảo mật.

4.4.2 Phòng kế toán

4.4.2.1. Chức năng

- Quản lý các hoạt động Tài chính & Kế toán, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tạo lập, đảm bảo thỏa mãn nhu cầu về vốn cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Quản lý và giám sát các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, kinh doanh và các công tác khác có liên quan;
- Tham mưu cho Ban Giám đốc các chính sách liên quan đến hoạt động Tài chính & Kế toán cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.4.2.2. Nhiệm vụ

- **Lĩnh vực kế toán**

- Tổ chức công tác kế toán, công tác thống kê phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, không ngừng cải tiến tổ chức bộ máy và công tác kế toán, thống kê.
- Tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tính toán và trích nộp đúng, đủ kịp thời các khoản nộp ngân sách, các khoản cấp trên, các qũy để lại Công ty và thanh toán đúng hạn các khoản tiền vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả.
- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn thi hành kịp thời chế độ tài chính kế toán do Nhà nước ban hành và các qui định của cấp trên về thống kê, thông tin kinh tế cho các phòng ban có liên quan trong Công ty và cho các bộ phận cấp dưới.
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán tại Công ty
- Thực hiện chế độ bảo quản tài sản, vật tư, tiền vốn trong Công ty..
- Tổ chức phân tích hoạt động kinh tế trong Công ty một cách thường xuyên, nhằm đánh giá đúng đắn tình hình sản xuất của Công ty, phát hiện những lãng phí và thiệt hại đã xảy ra và có biện pháp khắc phục.

- **Lĩnh vực Tài chính và Quản trị Tài chính**

- Trên cơ sở luật pháp và chế độ quản lý tài chính của nhà nước kết hợp với tình hình cụ thể của Công ty, bộ phận kế toán có trách nhiệm xây dựng chế độ quản lý tài chính của Công ty cho phù hợp
- Trên cơ sở kế hoạch đã được duyệt và trong phạm vi luật pháp cho phép, tùy tính chất của mỗi hoạt động kinh tế, bộ phận kế toán tổ chức huy động và sử dụng vốn, hợp lý linh hoạt, tiết kiệm, đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao.
- Tham mưu cho các đơn vị trực thuộc xây dựng các kế hoạch tài chính thống nhất với kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn.
- Giám sát, kiểm tra tài chính đối với tiến trình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch doanh thu cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh của tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Tổ chức thanh toán kịp thời, đầy đủ, đúng các khoản phải thanh toán của Công ty, trích lập và sử dụng các loại quỹ theo đúng chế độ, đúng mục đích.

- Định kỳ tiến hành tổng hợp, thống kê và phân tích tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia xây dựng các hợp đồng kinh tế với khách hàng, đặc biệt là việc quy định các điều kiện tài chính của hợp đồng.
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch huấn luyện đào tạo nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn về quản lý tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu công tác tại Công ty.
- Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin tài chính kế toán phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của Ban Giám đốc.
- Lập kế hoạch dự toán lưu chuyển tiền tệ, các dự toán tài chính và chi phí khác cho toàn Công ty.
- Tiến hành, kiểm tra giám sát, tham gia công tác kiểm kê và đánh giá kết quả kiểm kê của Công ty.

4.4.3 Phòng kinh doanh

4.4.3.1. Chức năng

- Tham mưu cho Giám đốc mọi chính sách, chiến lược kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty.
- Thực hiện việc kinh doanh tiếp thị hàng hóa, dịch vụ, quản lý kho hàng hóa của Công ty, quản lý kho lưu trữ hàng hóa cho khách hàng kể cả kho lạnh.
- Phối hợp chặt chẽ với kỹ thuật để đảm bảo liều chiếu đúng và đảm bảo chất lượng hàng chiếu xạ.
- Đối chiếu với kế toán kịp thời không để thất thoát tiền thu của khách hàng.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về nhiệm vụ được giao.

4.4.3.2. Nhiệm vụ

a. Đối với công tác kinh doanh

- Lập và báo cáo việc thực hiện kế hoạch theo quy chế Công ty
- Trưởng phòng kinh doanh phải thường xuyên kiểm tra các nhân viên trực thuộc, huấn luyện nghiệp vụ kịp thời để đáp ứng tốt cho công việc, đặc biệt đối với khách hàng.
- Tổ chức nghiên cứu thị trường, đáp ứng nhu cầu khách hàng thông qua các giải pháp Marketing nhằm thu hút khách hàng, tận dụng tối đa công suất Nhà máy.
- Tổng hợp ý kiến khách hàng, phân tích hoạt động kinh doanh một cách thường xuyên. Báo cáo đầy đủ kịp thời thông tin hoạt động kinh doanh cho Giám đốc.
- Báo cáo và tham mưu cho Giám đốc, giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của khách hàng.
- Hỗ trợ Phòng Kế toán thu hồi công nợ

b. Đối với công tác kiểm hàng và lưu trữ hàng hóa

- Kiểm kê hàng hóa trước khi nhập kho, sản xuất: Loại hàng, quy cách, số lượng, kiểm kê bao bì và xác nhận với khách hàng tình trạng bao bì trước và sau chiếu xạ.
- Thống kê chính xác lượng hàng chiếu xạ của từng khách hàng, tránh trường hợp khách hàng khiếu nại. Trường hợp khách hàng có thắc mắc, bộ phận kinh doanh phải trực tiếp giải thích thỏa đáng cho khách hàng kịp thời
- Lập và lưu trữ phiếu nhập, phiếu xuất theo qui trình luân chuyển chứng từ nội bộ.
- Nhân viên kinh doanh báo cáo cho Trưởng phòng các công việc phát sinh trong ngày và tiến hành đối chiếu số liệu với Phòng Kế toán định kỳ cuối mỗi tuần.

4.4.4 Phòng kỹ thuật-sản xuất

4.4.4.1. Chức năng

- Sử dụng, vận hành máy móc thiết bị.
- Sửa chữa, thay thế những hư hỏng của máy móc thiết bị.
- Bảo trì, bảo dưỡng theo chế độ định kỳ.
- Tổ chức sản xuất, chiếu xạ tất cả hàng hóa theo yêu cầu kỹ thuật của từng loại hàng hóa.
- Điều hành toàn bộ công việc của bộ phận sản xuất.

4.4.4.2. Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và kế hoạch sửa chữa, chủ động sửa chữa tránh hư hỏng do chủ quan.
- Phối hợp với Phòng Kinh doanh xác định chính xác liều chiếu cho từng loại hàng hóa, thực hiện chiếu đúng liều cho khách hàng đảm bảo chất lượng hàng chiếu tránh hư hỏng, thiệt hại cho Công ty. Chịu trách nhiệm trước Công ty về kết quả liều chiếu.
- Xếp lịch chiếu hàng để đạt hiệu quả chiếu của Nhà máy là cao nhất.

4.4.5 Trưởng ca

4.4.5.1. Chức năng

Trưởng ca có nhiệm vụ quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm ca chiếu xạ của mình về những vấn đề sau:

- Chịu trách nhiệm trực tiếp với các Phó Giám đốc phụ trách Nhà máy, với Giám đốc Công ty và trước pháp luật về mọi hành vi hoạt động của mình
- Chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh doanh để xác định chính xác liều chiếu xạ cho từng loại hàng hóa.
- Kiểm tra liều chiếu mỗi ngày để theo dõi chính xác liều chiếu, kịp thời khắc phục sai sót nhỏ tránh tối đa thiệt hại do set liều sai qui định.

4.4.5.2. Nhiệm vụ

- Kiểm tra vận hành máy, chỉnh máy.

- Điều hành tổ bốc xếp hàng.
- Sắp xếp hàng ra vào chiếu xạ.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông *tại* thời điểm 12/10/2009

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Bảng 2 – Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	CMND/ĐKKD	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (1000 đồng)	TỶ LỆ (%)
1. CALEDONIA INVESTMENTS PLC	Cayzer House, 30 Buckingham Gate London SW1E 6NN Limited Kingdom	235481	559.999	5.599.990	6,48
2. Công ty Tài chính Cao su (Ông Phan Minh Anh Ngọc đại diện)	210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P6, Q.3, HCM	4106000130	554.300	5.543.000	6,42
3. Công ty Cao su Bà Rịa (Ông Võ Hữu Hiệp đại diện)	Bình Ba, Châu Đức, Bà Rịa Vũng Tàu	103884	1.000.000	10.000.000	11,57
4. Quỹ tầm nhìn SSI	1C Ngô Quyền, Hà Nội	126/TB-UBCK	1.320.000	13.200.000	15,28
TỔNG CỘNG			**3.434.299**	**34.342.990**	**39,75**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú)

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3- Danh sách cổ đông sáng lập

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (1000 đồng)	TỶ LỆ (%)
1.Công ty Tài chính Cao su	210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P6, Q.3, HCM	554.300	5.543.000	6,48
2.Trần Ngọc Thiên Nga	439 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8, HCM	35.799	357.990	0,41
3. Nguyễn Hồng Lê	77/30 Phan Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hoà,Bình Tân, HCM	21.000	210.000	0,24
TỔNG CỘNG		**611.099**	**6.110.990**	**7,13**

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

Ghi chú: Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2005. Vậy, đến ngày 12 tháng 10 năm 2009, các hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ.

5.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 12/10/2009

Bảng 4- Cơ cấu cổ đông của Công ty

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Cơ cấu cổ đông	Trong nước		Nước ngoài	
		Giá trị	%	Giá trị	%
I	Tổ chức	47.346.160	54,80	13.839.860	16,02
	Cá nhân	25.213.980	29,18		
II	Cổ đông sáng lập	6.110.990	7,13		
	Cổ đông trong công ty	1.945.950	2,25		
	Cổ đông ngoài Công ty	64.503.200	74,65	13.839.860	16,02
III	Cổ đông đặc biệt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kế toán trưởng) (*)	17.234.970	19,95		
	Cổ đông khác	55.325.170	64.03	13.839.860	16,02
TỔNG CỘNG		**72.560.140**	**83,98**	**13.839.860**	**16,02**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú)

Ghi chú(*) Chi tiết cơ cấu cổ đông đặc biệt được thể hiện ở bảng 31

6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

7. Hoạt động kinh doanh

a. Chiếu xạ

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là chiếu xạ các loại hàng hoá nhằm diệt vi sinh trên các loại thiết bị y tế, thực phẩm như: thủy hải sản, trái cây,…, làm chậm quá trình

chín trái cây, làm giảm điện trở trong thiết bị truyền dẫn điện bằng tia bức xạ (Gamma) nhằm tăng giá trị sử dụng của hàng hoá, đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm cho các loại thực phẩm sau khi qua các quy trình xử lý chiếu xạ.

Nền tảng cơ bản của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú là hoạt động trong lĩnh vực chiếu xạ diệt khuẩn các sản phẩm chủ yếu từ ngành thủy hải sản. Do đó nguồn thu của Công ty chịu ảnh hưởng bởi hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành này. Doanh thu chiếu xạ các mặt hàng thủy hải sản chiếm khoảng 70% cơ cấu doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện chiếu xạ nguyên liệu làm thuốc cho các Công ty Đông Nam dược. Các Công ty sản xuất chế biến thực phẩm, gia vị cũng sử dụng dịch vụ chiếu xạ của Công ty Chiếu xạ An Phú để bảo quản sản phẩm tiêu dùng.

Trong năm 2008, các Công ty chế biến xuất khẩu thủy sản có nửa cuối năm kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn bởi sự suy giảm kinh tế trên toàn cầu, ngành thủy sản gặp rất nhiều khó khăn vì thiếu vốn, thiếu nguyên vật liệu và đặc biệt đầu ra tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều bất lợi do các nước nhập khẩu hàng thủy sản Việt Nam đang đối diện với nhiều trở ngại về mặt sức mua của người dân giảm đáng kể. Trước tình hình trên, Công ty đã liên hệ với tổ chức APHIS (Cơ quan kiểm dịch động thực vật Hoa Kỳ) để bắt đầu thực hiện các bước chuẩn bị cho việc chiếu xạ trái cây xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Hiện tại, trái Thanh Long của Việt Nam đã được Hoa Kỳ cho phép nhập khẩu vào Mỹ và phải đáp ứng 3 điều kiện:

- Đạt chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tiêu chuẩn Mỹ.
- Được cơ quan nhập khẩu Mỹ chứng nhận sản phẩm không có sâu bệnh hại.
- Sản phẩm phải được chiếu xạ khử trùng.

Ngày 28/7/2009, Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú đã trở thành thành viên thứ hai (sau Công ty Sơn Sơn) chính thức đón nhận Giấy chứng nhận Nhà máy đạt chuẩn chiếu xạ trái cây xuất khẩu sang Mỹ cũng như Code nhà máy đóng gói. Sự kiện này đã mở ra cho Công ty một hướng đi mới đầy tiềm năng.

Tính an toàn về mặt sức khỏe cũng như lợi ích về mặt kinh tế của thực phẩm chiếu xạ đã được các tổ chức có uy tín của Liên Hợp Quốc như: Tổ chức Y tế thế giới, Tổ chức Nông lương và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế nghiên cứu đầy đủ và công nhận.

Chiếu xạ thực phẩm là sử dụng các tia bức xạ (thường là tia gamma) như các viên đạn bắn vào các “bia” ADN của các tế bào của vi khuẩn hay vi sinh vật gây bệnh có trong thực phẩm. Kết quả là làm chúng bị chết. Các ảnh hưởng của việc chiếu xạ lên thực phẩm và người sử dụng thực phẩm chiếu xạ đã được nghiên cứu rộng rãi và lâu dài tại Mỹ cũng như các nước tiên tiến khác. Những nghiên cứu này cho thấy thực phẩm chiếu xạ có những lợi ích sau:

- Thứ nhất, chiếu xạ với liều thích hợp sẽ tiêu diệt được các vi khuẩn và vi sinh vật gây bệnh như E.Coli, Trichina, Salmonella (vi khuẩn làm thực phẩm có tính độc)... có trong thịt và gia cầm hay các loại thực phẩm khác, ngăn chặn sự nảy mầm của khoai tây và tỏi, làm chậm quá trình chín của trái cây...

- Thứ hai, thực phẩm chiếu xạ không tiếp xúc với chất phóng xạ mà chỉ bị chiếu bởi tia gamma từ nguồn phóng xạ, do đó không thể trở thành "thực phẩm phóng xạ" được.
- Thứ ba, sau khi chiếu xạ, thực phẩm không xuất hiện bất kỳ độc tố nào và không có sự thay đổi các thành phần hóa học gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe con người.
- Thứ tư, chiếu xạ không làm giảm giá trị dinh dưỡng cũng như các vitamin trong thực phẩm, ngoài ra cũng không có thay đổi nào của acid amin và acid béo...
- Thứ năm, các nhà máy sử dụng công nghệ chiếu xạ thực phẩm vận hành theo đúng quy trình an toàn sẽ không gây hại gì đến môi trường chung quanh cũng như không gây ảnh hưởng bất lợi về sức khỏe của công nhân làm việc.

Đồng thời thực phẩm chiếu xạ cũng góp phần tạo ra nguồn thực phẩm sạch và do đó sẽ làm giảm những vụ ngộ độc thực phẩm tập thể đang rất hay xảy ra ở nước ta.

Bảng 5 - Cơ cấu sản lượng chiếu xạ của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú qua các năm 2007-2008 và 9 tháng 2009

STT	SẢN PHẨM	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng 2009	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
1	Thủy hải sản	14.503,94	80,35	20.217,94	90,15	18.795,55	93,21
2	Thực phẩm	1.884,03	10,37	2,206.82	9.82	850,45	4,22
3	Trái cây					15,37	0,07
4	Các loại khác	1.766,32	9,73	47	0.21	503.00	2,50
	Cộng	**18.154,29**	**100**	**22.471,86**	**100**	**20.164,37**	**100**

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

Hình 1: Biểu đồ cơ cấu sản phẩm chiếu xạ năm 2007 -2008 và 9 tháng 2009

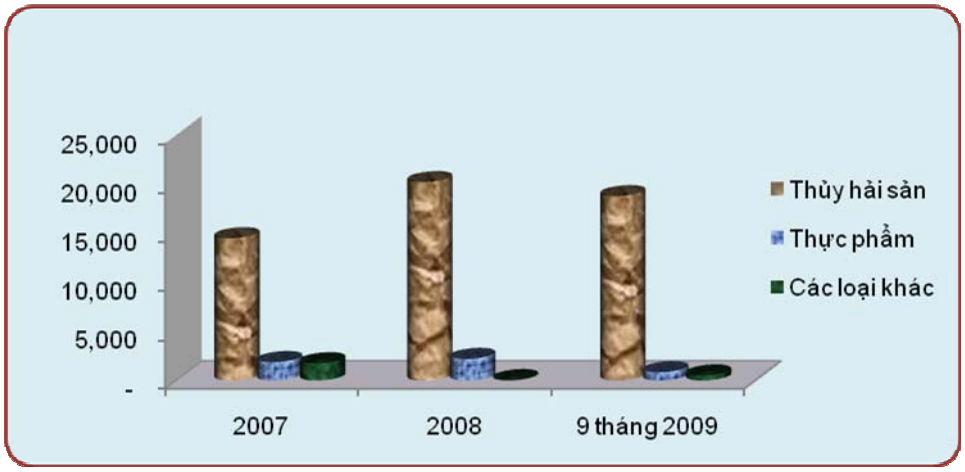

b. Cho thuê kho lạnh

Ngoài hoạt động chiếu xạ, Công ty còn có dịch vụ cho thuê kho lạnh. Kho lạnh của Công ty được thiết kế với công suất tối đa 3.000 tấn. Công suất hữu dụng thực tế 1.600 tấn. Đầu quý 3 năm 2008, Công ty thực hiện xong phương án hạ kệ kho lạnh và nâng công suất hữu dụng lên 2.100 tấn. Trong đó, diện tích kho lạnh cho thuê là 95% diện tích kho, 5% diện tích kho còn lại dùng để chứa hàng tạm thời của các khách hàng chiếu xạ miễn phí lưu kho trong khi chờ đợi xếp lịch chiếu hàng.

Hoạt động cho thuê kho lạnh tuy mới chỉ thực hiện từ năm 2007 nhưng đã đạt kết quả rất khả quan. Hiện tại công suất cho thuê kho lạnh tại Công ty đã đạt tối đa do nhu cầu thuê kho lạnh bảo quản hàng hóa của các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng thuỷ, hải sản, thực phẩm ngày càng tăng.

Bảng 6 – Tình hình cho thuê kho lạnh Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú năm 2007-2008 và 9 tháng năm 2009

STT	Loại hàng	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng năm 2009	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
1	Thủy hải sản	247.764,76	52,05	285,911.06	54,33	149.906,50	53,95
2	Thực phẩm	107.183,21	25,52	122.984,39	23,37	67.520,44	24,30
4	Mặt hàng khác	121.027,96	25,43	117.353,53	22,3	60.434,97	21,75
	Tổng cộng	**475.975,93**	**100**	**526.248,98**	**100**	**277.861,91**	**100**

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

Hình 2: Biểu đồ sản lượng cho thuê kho lạnh năm 2007 -2008 và 9 tháng 2009

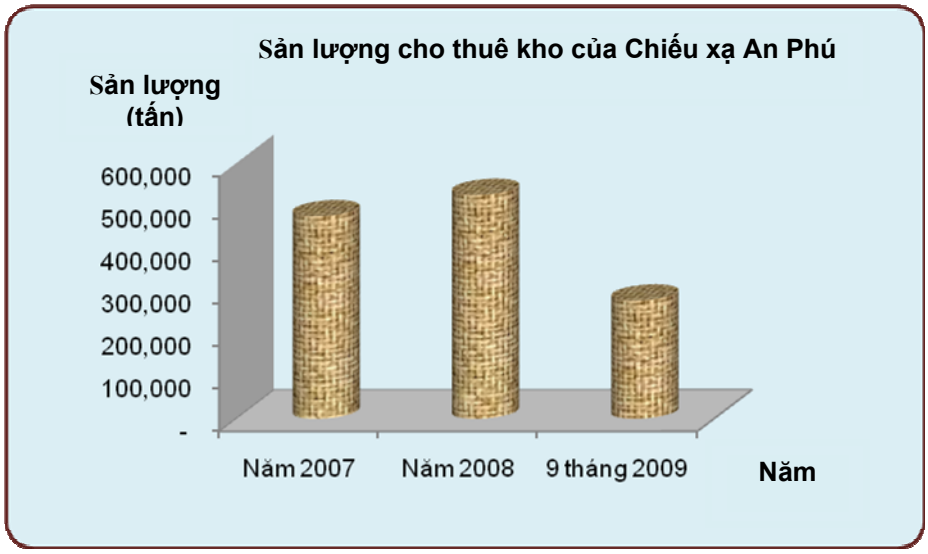

7.1. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp

Bảng 7 – Cơ cấu doanh thu 2007 – 2008 và 9 tháng năm 2009

Đơn vị tính triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng năm 2009	
		Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
A	**DỊCH VỤ CHIẾU XẠ**	**34.374,67**	**83,42**	**44.157,01**	**80,7**	**40.906**	**85**
I	Thủy hải sản	26.519,26	64,36	37.959,61	69,4	37.746	78,5
II	Thực phẩm	4.958,60	12.03	6.100,60	11,2	2.045	4,2
III	Trái cây					297	0,6
IV	Các loại khác	2.896,81	7,03	96,80	0,2	818	1,7
B	**DỊCH VỤ CHO THUÊ KHO**	**6.831**	**16,58**	**8.420**	**15,4**	**4.843**	**10**
C	**DỊCH VỤ BỐC XẾP**	**0**	**0**	**1.893**	**3,5**	**1.702**	**3,6**
D	**DỊCH VỤ KHÁC**	**0**	**0**	**228**	**0,4**	**602**	**1,4**
	TỔNG CỘNG	**41.205,6**	**100**	**54.698**	**100**	**48.053**	**100**

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

Hình 3 –Cơ cấu doanh thu năm 2007 của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

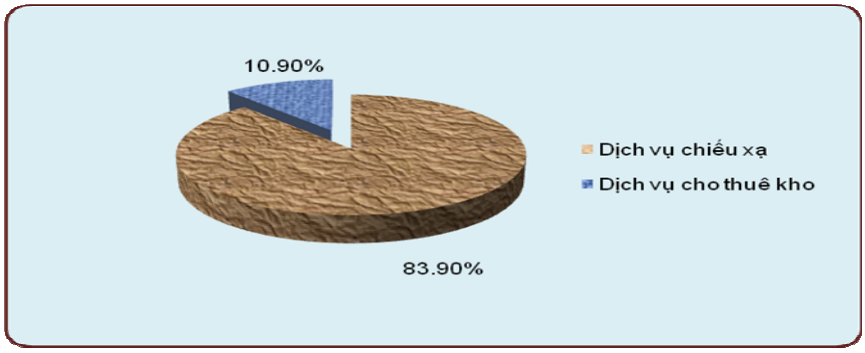

Hình 4 –Cơ cấu doanh thu năm 2008 của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

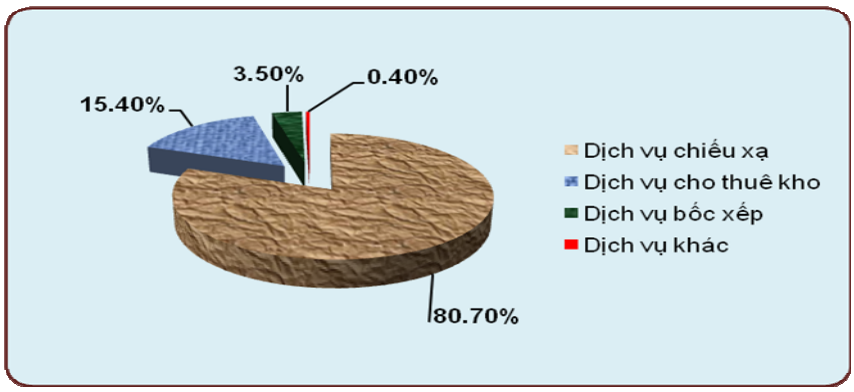

Hình 5 –Cơ cấu doanh thu 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

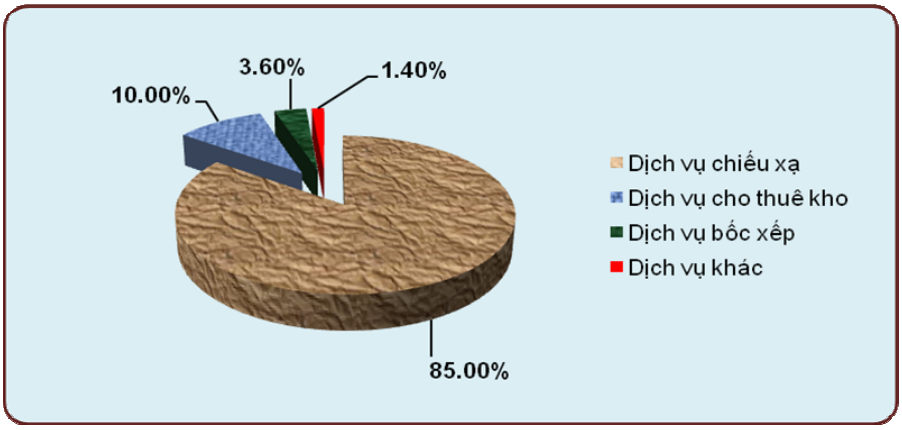

Bảng 8 – Cơ cấu lợi nhuận gộp 2007 - 2008 và 9 tháng năm 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Sản phẩm	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng năm 2009	
		Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)
1	Dịch vụ chiếu xạ	22.911	88,22	31.255	88,26	27.781	90,7
2	Dịch vụ kho lạnh	3.060	11,78	2.173	6,13	1.350	4,4
3	Dịch vụ bốc xếp			1.893	5,35	1.300	4,2
4	Dịch vụ khác			88	0,26	200	0,7
	TỔNG CỘNG	**25.971**	**100**	**35.409**	**100**	**30.631**	**100**

(Nguồn: Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

Hình 6 – Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2007 của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

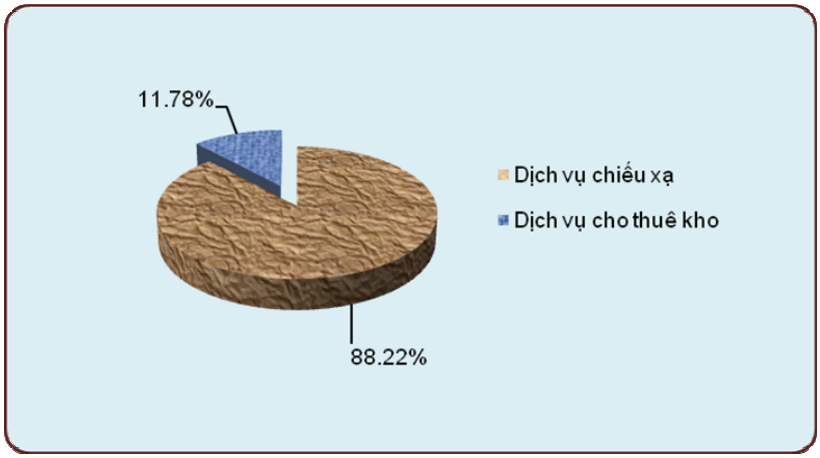

Hình 7 – Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2008 của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

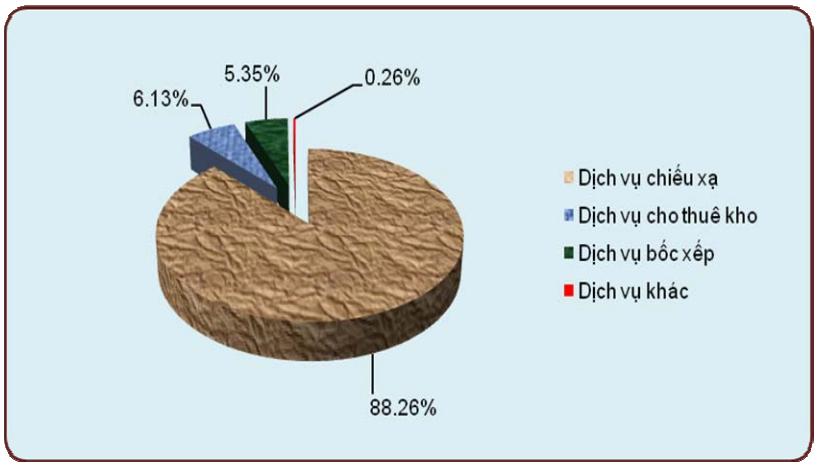

Hình 8 – Cơ cấu lợi nhuận gộp 9 tháng 2009 của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

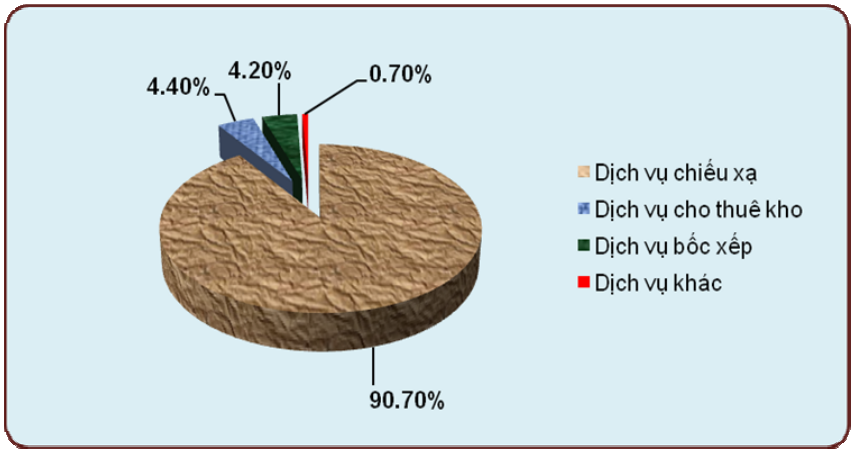

7.2. Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào

Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chiếu xạ, cho thuê kho lạnh thuộc loại hình dịch vụ. Vì vậy, chi phí nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là nguồn chiếu xạ Cobalt 60 nhập từ nước ngoài để phục vụ cho hoạt động chiếu xạ tại Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các bao bì carton, dây đai...từ các nhà cung cấp trong nước dùng để bảo quản hàng hoá lưu kho của khách hàng.

b. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào

Nguồn xạ để phục vụ cho dịch vụ chiếu xạ được Công ty nhập từ nước ngoài, hiện tại có rất nhiều nhà cung cấp trên thế giới như Ấn Độ, Canada, Mỹ...Tuy nhiên, đối tác chủ yếu của Chiếu xạ An Phú là nhà cung cấp REVISS Services (UK) của Anh Quốc, đây là nhà cung cấp nguồn xạ cobalt 60 hàng đầu và có uy tín trên thế giới. Công ty REVISS

Service là đối tác truyền thống của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú, luôn đảm bảo cung cấp nguồn xạ cobalt 60 với số lượng và chất lượng ổn định, phù hợp với dây chuyền chiếu xạ của Công ty.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ chiếu xạ, định kỳ 2 năm một lần Công ty sẽ thực hiện nhập thêm nguồn xạ mới. Khi tiến hành nhập nguồn xạ, Công ty luôn phải thực hiện công tác kiểm tra nguồn xạ và tiến hành các thủ tục khai báo nghiêm ngặt với các cơ quan có chức năng quản lý.

Đối với nguyên vật liệu bao bì phục vụ cho việc bảo quản, lưu trữ hàng hoá cho khách hàng thì mẫu mã đa dạng, phong phú, ổn định với nhiều nhà cung cấp khác nhau do đó nguồn cung ứng nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu kinh doanh của Công ty mang tính ổn định cao.

c. Sự ảnh hưởng giá cả của nguyên vật liệu đầu vào đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty

Chi phí nguồn xạ Cobalt hiện tại của Công ty hiện tại chiếm tỷ trọng khoảng 20%, định kỳ 2 năm một lần Công ty phải nhập thêm nguồn xạ mới bổ sung cho nguồn xạ hiện hữu của Công ty, vì vậy chi phí nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp bởi các nhân tố: giá cả nguồn nhập, chi phí vận chuyển, biến động của tỷ giá ngoại tệ thay đổi theo các thời điểm nhập khác nhau.

7.3. Chi phí kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 9- Cơ cấu chi phí của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú năm 2007-2008 và 9 tháng 2009

Đơn vị tính: đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng năm 2009	
	Giá trị(tr.đ)	% Doanh thu	Giá trị(tr.đ)	% Doanh thu	Giá trị(tr.đ)	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán	15.234.293.127	36,97	19.289.201.941	35,26	17.422.385.518	36,25
Chi phí bán hàng	2.103.555.739	5,11	1.702.452.730	3,11	1.655.815.493	3,44
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.897.482.649	7,03	3.625.525.794	6,63	3.907.793.061	8,13
Lãi vay ngân hàng	2.368.174.617	5,75	1.401.435.750	2,56	427.865.410	0,89
TỔNG	**22.593.506.132**	**54,86**	**26.018.616.215**	**47,56**	**23.413.859.482**	**48,72**

(Nguồn Báo cáo đã được kiểm toán bởi Công ty AASCN và Báo cáo tài chính 9T/2009 của Công ty)

Hình 9 - Cơ cấu chi phí của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú 2007- 2008 và 9 tháng 2009

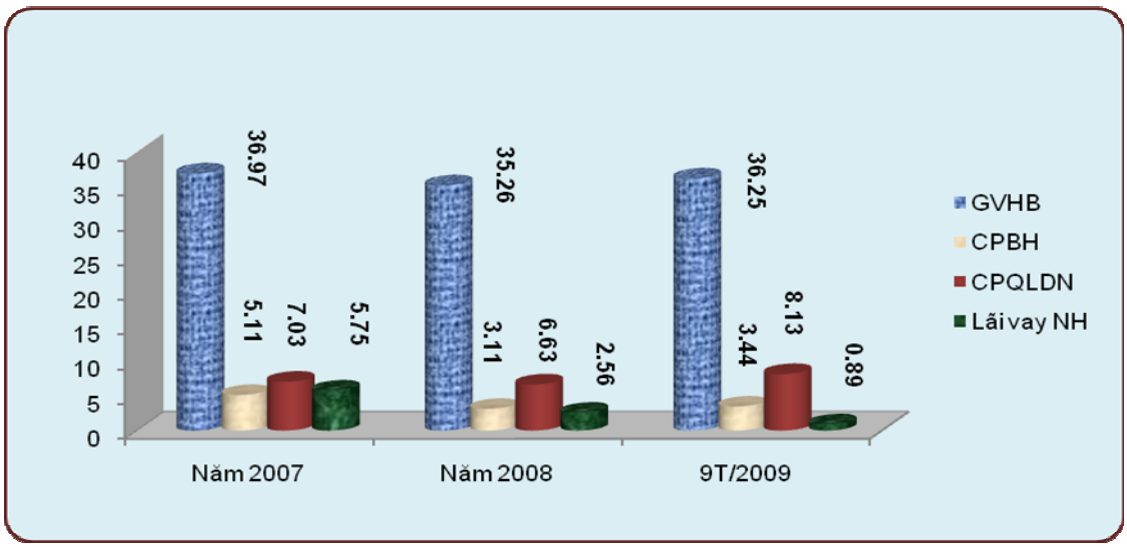

7.4. Trình độ công nghệ

a. Hệ thống kho lạnh

Bảng 10 - Hệ thống kho lạnh của Công ty

Tên nhà xưởng	Xuất xứ	Thời gian	
		Lắp đặt	Sử dụng
Kho lạnh 200MT	Châu Âu	2004	2005
Kho lạnh 3000MT	Châu Âu	2005	2006

(Nguồn: Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

b. Hệ thống dây chuyền chiếu xạ

Hiện tại Công ty có 2 dây chuyền hoạt động trong lĩnh vực chiếu xạ. Dây chuyền 1 hoạt động năm 2005, dây chuyền 2 hoạt động năm 2006. Thiết bị máy móc được nhập từ Châu Âu với nguồn phóng xạ Cobalt 60 bức xạ tia Gamma có chức năng rất tốt trong lĩnh vực tiệt trùng, diệt khuẩn và ứng dụng trong các lĩnh vực khác.

Công suất thiết kế tối đa 300 m3 sản phẩm/ngày/dây chuyền. Sản phẩm được chứa trong thùng đựng hàng bằng thép không rỉ có kích thước bên trong 84 cm x 48 cm x 150 cm. Các thùng hàng được chuyển vào buồng xử lý trên băng chuyền tự động. Khách hàng có thể xem xét quá trình xử lý

Bảng 11- Hệ thống nhà nguồn chiếu xạ của Công ty

Tên nhà xưởng	Chức năng	Thời gian		Xuất xứ	Sản phẩm xử lý	Sản phẩm xử lý	
		Sản xuất	Sử dụng			Công suất thiết kế	Công suất vận hàng hiện tại
Nhà nguồn chiếu xạ 1							
Nhà nguồn	Khử trùng	2005	2005	Châu Âu	Thủy hải sản đông lạnh; thủy hải sản khô; thịt gia súc, gia cầm ở dạng tươi sống hoặc đông lạnh; dụng cụ y tế, Đông Nam dược; trái cây, củ, quả; rau tươi, rau khô, gia vị; ngũ cốc và các sản phẩm bột nghiền từ ngũ cốc, các loại nông sản, mỹ phẩm; gỗ; hóa chất; các sản phẩm công nghiệp khác	63 tấn/ngày	40 tấn/ngày
Máy nén khí	Cung cấp khí nén cho nhà nguồn	2004	2005	Nhật		15HP	18/24 gờ
Hệ thống xử lý nước	Xử lý nước bể chứa nguồn	2005	2005	Châu Âu		400 lít giờ	
Nhà nguồn chiếu xạ 2							
Nhà nguồn	Khử trùng	2006	2006	Châu Âu	Thủy hải sản đông lạnh; thủy hải sản khô; thịt gia súc, gia cầm ở dạng tươi sông hoặc đông lạnh; dụng cụ y tế, Đông Nam dược;	63 tấn/ngày	40 tấn/ngày
Máy nén khí	Cung cấp khí nén cho nhà nguồn	2005	2006	Nhật		15HP	18/24 gờ

Hệ thống xử lý nước	Xử lý nước bể chứa nguồn	2006	2006	Châu Âu	trái cây, củ, quả; rau tươi, rau khô, gia vị; ngũ cốc và các sản phẩm bột nghiền từ ngũ cốc, các loại nông sản, mỹ phẩm; gỗ; hóa chất; các sản phẩm công nghiệp khác	400 lít giờ	

7.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Ngành thuỷ hải sản vẫn còn chịu tác động xấu của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước tình hình trên, Công ty đã tích cực chủ động nghiên cứu sản phẩm mới là chiếu xạ trái cây. Công ty đã tiến hành cải tạo nhà nguồn theo yêu cầu của tổ chức APHIS (Cơ quan kiểm dịch động thực vật Hoa Kỳ) để thực hiện các bước chuẩn bị cho việc chiếu xạ trái cây xuất khẩu sang vào thị trường Mỹ (hiện nay là Thanh Long, tiếp sau đó là Xoài, Chôm chôm, Nhãn, Vú sữa...). Đến 28/07/2009, Công ty đã chính thức đưa vào hoạt động chiếu xạ mặt hàng trái cây, đây là cơ hội rất lớn để Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú có thể mở rộng quy mô sản xuất và tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Chi phí đã đầu tư cho chương trình chiếu xạ trái cây là 20 tỷ đồng.

7.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

An toàn thực phẩm là vấn đề mà người tiêu dùng toàn cầu hiện đang rất quan tâm, không chỉ các thị trường tiêu thụ mặt hàng thực phẩm lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU… luôn đặt vấn đề an toàn thực phẩm lên hàng đầu mà cả người tiêu dùng trong nước cũng rất quan tâm đến vấn đề này. Trong quá trình hoạt động sản xuất, bộ phận sản xuất của Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh doanh xác định chính xác liều lượng chiếu xạ cho phù hợp với từng loại hàng hoá, tránh không chiếu sai liều dẫn đến hư hỏng hàng hoá.

Công tác quản lý chiếu xạ thực phẩm tại Công ty luôn được thực hiện một cách nghiêm ngặt theo đúng Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y Tế số 3616/2004/QĐ –BYT ngày 14/10/2004 về việc “Quy định vệ sinh an toàn thực phẩm bảo quản bằng phương pháp chiếu xạ“: Quá trình chiếu xạ phải đủ liều lượng hấp thụ đối với mỗi loại thực phẩm, không vượt quá giới hạn cho phép.

Bảng 12- Danh mục thực phẩm được phép chiếu xạ và giới hạn liều hấp thụ tối đa:

STT	Loại thực phẩm	Mục đích chiếu xạ	Liều hấp thụ tối đa (kGy)	
			Tối thiểu	Tối đa
1	Loại 1: Sản phẩm nông sản dạng thân.	Ức chế sự nẩy mầm trong quá trình bảo quản	0,1	0,2
2	Loại 2: Rau, quả tươi (trừ loại 1).	a) Làm chậm quá trình chín b) Diệt côn trùng, ký sinh trùng c) Kéo dài thời gian bảo quản d) Xử lý kéo dài	0,3 0,3 1,0 0,2	1,0 1,0 2,5 1,0
3	Loại 3: Ngũ cốc và các sản phẩm bột nghiền từ ngũ cốc, đậu hạt, hạt có dầu, hoa quả khô.	a) Diệt côn trùng, ký sinh trùng b) Giảm nhiễm bẩn vi sinh vật c) Ức chế sự nẩy mầm	0,3 1,5 0,1	1,0 5,0 0,25
4	Loại 4: Thủy sản và sản phẩm thủy sản bao gồm động vật không xương sống, động vật lưỡng cư ở dạng tươi sống.	a) Hạn chế vi sinh vật gây bệnh b) Kéo dài thời gian bảo quản c) Kiểm soát động thực vật ký sinh	1,0 1,0 0,1	7,0 3,0 2,0
5	Loại 5: Thịt gia súc, gia cầm và sản phẩm từ gia súc, gia cầm ở dạng tươi sống hoặc lạnh đông.	a) Hạn chế vi sinh vật gây bệnh b) Kéo dài thời gian bảo quản c) Kiểm soát động thực vật ký sinh	1,0 1,0 0,5	7,0 3,0 2,0
6	Loại 6: Rau khô, gia vị và thảo mộc	a) Hạn chế vi sinh vật gây bệnh b) Diệt côn trùng, ký sinh trùng	2,0 0,3	10,0 1,0
7	Loại 7: Thực phẩm khô có nguồn gốc từ động vật.	a) Diệt côn trùng, ký sinh trùng b) Kiểm soát nấm mốc c) Hạn chế vi sinh vật gây bệnh	0,3 1,0 2,0	1,0 3,0 7,0

(Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y Tế số 3616/2004/QĐ –BYT ngày 14/10/2004)

Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành theo dõi và quản lý hàng chiếu mẫu dùng để kiểm định vi sinh khi khách hàng yêu cầu.

Qui trình theo dõi và quản lý hàng chiếu mẫu: Sau khi nhận hàng chiếu mẫu, Công ty sẽ thực hiện:

+ Ký nhận mẫu và điền các số liệu vào phiếu nhận mẫu.

+ Lưu giữ mẫu trong điều kiện bảo quản thích hợp (tuỳ theo loại hàng khô hay hàng lạnh).

+ Tiến hành chiếu xạ mẫu ở liều xạ thích hợp cho từng loại sản phẩm.

+ Thu mẫu và gửi trả mẫu cho khách hàng.

7.6. Quy trình chiếu xạ tại Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

a. Load hàng

Hàng chất trên các pallet được xe nâng điện chuyển đến vị trí load hàng. Sau đó từng thùng hàng được công nhân bốc và đưa lên băng tải và được chuyển vào thùng chứa (tote box). Tote box được chuyển vào phòng chiếu xạ. Toàn bộ quá trình này hoàn toàn xử lý tự động bằng hệ thống PLC (one-stop process)

b. Liều xử lý

Liều xử lý chiếu xạ thay đổi đối với từng loại hàng khác nhau tuân thủ đúng hướng dẫn tại quyết định số 3616/2004/QĐ – BYT của Bộ Y tế ký ngày 14/10/2004. Chuyên viên kỹ thuật của Công ty sẽ cài đặt các thông số kỹ thuật tương ứng theo từng chủng loại hàng.

c. Quá trình xử lý

Quá trình xử lý được thực hiện trên băng chuyền hoàn toàn tự động bên trong phòng chiếu. Trong quá trình nâng, băng chuyền sẽ tự động đảo mặt để các thùng hàng được chiếu đều các mặt.

d. Ra hàng

Các thùng hàng sau khi đi qua quá trình xử lý tự động sẽ chạy ra tuần tự theo qui trình chiếu. Ở vị trí ra hàng, công nhân sẽ xếp hàng lên pallet theo đúng quy định về số lượng và kích cỡ (size) sản phẩm. Sau đó các pallet hàng sẽ được xe nâng điện chuyển ra để chất hàng lên xe hàng hoặc chuyển nhập kho lạnh.

7.7. Hoạt động Marketing của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

a. Chiến lược Maketing của Công ty

Chiến lược marketing của Công ty dựa trên sự phối hợp 4P (Product, Price, Place, Promotion) và dựa trên những ưu thế về giá tương quan với chất lượng dịch vụ của Công ty.

❖ **Product (Sản phẩm)**

Dịch vụ chiếu xạ của Công ty là sản phẩm vô hình, dịch vụ này làm tăng thêm giá trị của hàng hoá được chiếu xạ, bởi các yếu tố an toàn, vệ sinh, thời gian bảo quản lâu hơn hoặc xử lý cho ra sản phẩm có thêm công năng, công dụng…Ngoài ra, dịch vụ chiếu xạ còn mang đến cho khách hàng lòng tin, sự cảm nhận về tâm lý liên quan trực tiếp đến sức khỏe. Vì vậy, ngoài việc kinh doanh các giá trị tăng thêm sản phẩm chiếu xạ còn là việc

kinh doanh sự an tâm của khách hàng. Do đó, đặc điểm của dịch vụ này có ảnh hưởng lớn các chương trình marketing của Công ty, cụ thể là chương trình hậu mãi, định hướng nhãn hiệu, định hướng suy nghĩ của khách hàng về dịch vụ chiếu xạ, định hướng tiếp cận thị trường theo các phân khúc khác nhau.

Từ những đặc điểm của sản phẩm như trên Công ty xác định sản phẩm dịch vụ của mình phải có sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, thiết bị máy móc của Công ty hiện đại hơn so với các đơn vị chiếu xạ khác tạo nên chất lượng dịch vụ tốt hơn so với các đối thủ cạnh tranh.

❖ **Price (Giá)**

Công ty có chính sách giá cạnh tranh so với các đối thủ khác trên thị trường, Chiếu xạ An Phú áp dụng chính sách chiết khấu, hoa hồng cho khách hàng trung bình từ 3% đến 5% tùy theo từng đối tượng khách hàng. Ưu điểm về chính sách giá của Công ty là giá đơn vị dịch vụ sẽ giảm lũy kế đối với lô hàng có khối lượng hoặc trọng lượng lớn. Đối với những lô hàng có khối lượng hoặc trọng lượng nhỏ thì giá đơn vị dịch vụ cao hơn.

❖ **Place (phân phối)**

Một trong những ưu điểm của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú là máy móc thiết bị có công suất lớn, do đó thời gian chiếu xạ và giao hàng cho khách hàng nhanh chóng. Vì vậy, khả năng thu hút các khách hàng có sản lượng hàng hóa lớn thuận lợi hơn so với các đối thủ cạnh tranh khác. Bên cạnh đó, Công ty cũng có điểm bất lợi là nhà máy nằm xa các cảng, xa nguồn nguyên liệu so với các đối thủ cạnh tranh khác nên chi phí vận chuyển hàng hóa là một trở ngại lớn đối với các khách hàng đến với Công ty.

❖ **Promotion (chiêu thị)**

Hiện nay Công ty đang triển khai xây dựng Website, in ấn Brochure nhằm quảng bá hình ảnh của Công ty trên thị trường. Công ty sẽ xây dựng các chính sách hậu mãi phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Đồng thời, Công ty cũng xây dựng chiến lược mở rộng sang các khách hàng có tiềm năng như các công ty sản xuất hàng tiêu dùng và hệ thống các siêu thị.

b.Tổ chức công tác tiếp thị trong thời gian tới

Công ty sẽ xây dựng chính sách quảng bá sản phẩm dịch vụ (bao gồm tài trợ, cổ động, quảng cáo, chiêu thị...) để người tiêu dùng cuối cùng chấp nhận sản phẩm chiếu xạ của Công ty như chiếu xạ trái cây xuất khẩu, dịch vụ bảo quản hàng hoá nhạy cảm với nhiệt độ.

Xây dựng đội ngũ bán hàng cá nhân để tập trung tiếp thị các chợ nông sản đầu mối và siêu thị trong nước...

Quan hệ công chúng (PR) với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương, vận động tuyên truyền áp dụng các khung pháp luật của nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường ... nhằm quảng bá sản phẩm dịch vụ của Công ty vào những hàng hoá bị chi phối bởi chính sách này.

7.8 . Nhãn hiệu thương mại, logo của Công ty

7.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:

Do đặc thù của hoạt động dịch vụ chiếu xạ, Công ty Chiếu xạ An Phú phải tuân theo nguyên tắc bảo mật cho khách hàng. Vì vậy, Công ty không thể cung cấp danh sách hợp đồng dịch vụ chiếu xạ đang thực hiện hoặc đã ký kết với khách hàng.

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 13 – Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú 2007-2008 và 9 tháng đầu năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009	% tăng giảm 2008/2007
Tổng giá trị tài sản	125.635.249.185	115.823.911.996	121.670.686.831	(7,8)
Doanh thu thuần	41.205.639.074	54.698.512.251	48.053.743.367	32,74
Lợi nhuận từ HĐKD	18.807.203.368	30.579.622.420	25.952.331.194	62,59
Lợi nhuận khác	1.132.708.751	(11.354.841)	17.215.958	
Lợi nhuận trước thuế	19.939.912.119	30.568.267.579	25.969.547.152	53,3
Lợi nhuận sau thuế	17.885.656.930	27.841.273.259	24.151.678.851	55,66
Tỷ lệ cổ tức	20%	25%		25%

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Nhân tố thuận lợi

- So với các đối thủ cạnh tranh khác như Công ty Sơn Sơn, Trung tâm Vinagama, Công ty Thái Sơn thì công suất nhà máy của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú lớn hơn nên được nhiều khách hàng hài lòng về thời gian và kế hoạch chiếu hàng với tốc độ cao, giải phóng hàng nhanh, đáp ứng kịp thời nhu cầu lịch xuất nhập container đi nước ngoài.

- Ngoài ra, Công ty có hệ thống kho lạnh 3.000 tấn với thiết bị nhập khẩu từ Châu Âu nên có thể thực hiện dịch vụ trọn gói quá trình từ nhập kho – lưu trữ - chiếu xạ - xuất kho, do đó rất thuận lợi cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ chiếu xạ. Tiêu chuẩn kỹ thuật kho lạnh của Công ty đạt chất lượng cao nên giữ chân được nhiều khách hàng trung thành, khách hàng liên tục ký gửi hàng hoá tại kho Chiếu xạ An Phú.
- Đội ngũ chuyên viên kỹ thuật dày dạn kinh nghiệm, được đào tạo đúng ngành nghề, yên tâm phục vụ lâu dài. Số lượng công nhân lao động trực tiếp ổn định, góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của Chiếu xạ An Phú. Công ty đã liên tục đưa ra nhiều biện pháp để kích thích thi đua, thúc đẩy các bộ phận hoàn thành kế hoạch.
- Với công nghệ bức xạ tia gamma mà Công ty đang vận hành thì chất lượng tiêu diệt vi sinh là hoàn hảo, thoả mãn được yêu cầu của khách hàng.
- Công ty đã hoạt động được gần 04 năm (2005 – 2009), chất lượng dịch vụ của Chiếu xạ An Phú tương đối ổn định và đã tạo được uy tín trên thị trường. Công ty ngày càng thu hút được nhiều khách hàng mới. Thương hiệu của Công ty được khẳng định vững chắc trên thương trường.
- Tiềm năng mở rộng thị phần sang các sản phẩm khác ngoài mặt hàng thủy hải sản là rất lớn bao gồm: Các loại thuốc đông y ở dạng nguyên liệu và bán thành phẩm, các loại gia vị trong tiêu dùng hàng ngày ở thị trường nội địa cũng như thị trường xuất khẩu.
- Công ty đã được APHIS cấp code chiếu xạ và đóng gói để tham gia chương trình chiếu xạ trái cây xuất khẩu sang Mỹ (hiện nay là Thanh long, tiếp sau đó là Xoài, Chôm chôm, Nhãn, Vải, ...)

b. Nhân tố ảnh hưởng bất lợi

- Sản lượng chiếu xạ hàng năm phụ thuộc rất lớn vào thị trường xuất khẩu cũng như chất lượng sản xuất sản phẩm của khách hàng trong ngành chế biến thủy hải sản. Vì vậy, Công ty rất bị động trong việc dự báo kế hoạch sản lượng chiếu xạ một cách tương đối chính xác cho các năm tiếp theo.
- Nền kinh tế toàn cầu đang bị suy thoái - nhất là nền kinh tế Mỹ làm ảnh hưởng lớn đến kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam nói chung và ngành thuỷ hải sản nói riêng. Năm 2008 và 2009 là thời gian mà các Công ty chế biến và xuất khẩu thủy hải sản gặp rất nhiều khó khăn bởi sự suy giảm kinh tế trên toàn cầu. Ngành thủy sản gặp khó khăn vì thiếu vốn, thiếu nguyên liệu và đặc biệt là đầu ra tiêu thụ sản phẩm. Các nước nhập khẩu hàng thủy hải sản của Việt Nam đang đối mặt với nhiều trở ngại về tài chính, sức mua của người dân các nước nhập khẩu giảm. Điều này sẽ dẫn đến sản lượng chiếu xạ cũng như lưu kho lạnh của công ty trong những năm tiếp theo sẽ giảm sút.
- Vị trí nhà máy không thuận tiện so với các đối thủ cạnh tranh, phần lớn khách hàng trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản tập trung ở lục tỉnh miền Tây Nam Bộ, cách nhà máy chiếu xạ khá xa nên các đơn vị này phải tốn kém nhiều chi phí vận chuyển hàng hoá đến Công ty, điều này làm mất đi lợi thế cạnh tranh của Chiếu xạ An Phú. Hơn nữa, đường giao thông (đoạn đường vào nhà máy) bị xuống cấp cũng ảnh hưởng đến tâm lý của khách

hàng, điều này cũng làm ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của Chiếu xạ An Phú so với các đối thủ cạnh tranh khác.

- Máy móc thiết bị đã hết thời hạn bảo hành và đang dần xuống cấp, phải duy tu sửa chữa nhiều làm ảnh hưởng đến năng lực sản xuất, làm tăng chi phí đầu vào và nâng cao giá thành dịch vụ chiếu xạ cũng như cho thuê kho lạnh của Công ty.
- Công nghệ chiếu xạ để diệt vi sinh trên mặt hàng thuỷ hải sản chưa được nhiều nước trên thế giới chấp nhận, hầu hết các khách hàng chỉ sử dụng dịch vụ chiếu xạ trong tình thế bắt buộc để giải quyết các thủ tục nhập khẩu tại nơi đến. Công ty không thể công bố công khai hàng hoá của khách hàng đã qua xử lý. Điều này hạn chế rất lớn cho Công ty trong công tác marketing, quảng bá thương hiệu chính thức trên thương trường.
- Hàng hoá có nhu cầu chiếu xạ cũng tăng giảm theo mùa vụ trong năm nên Công ty khó có thể tận dụng hết công suất thiết kế trong 6 tháng đầu năm.
- Sản phẩm thủy sản cũng được chia ra làm nhiều mức độ, các nhà sản xuất có nhiều giải pháp hạn chế mức độ nhiễm vi sinh trong quá trình sản xuất để tạo ra các sản phẩm sạch ngay từ đồng ruộng. Vì vậy, nhu cầu cần đến chiếu xạ có xu hướng giảm khi các công ty sản xuất mặt hàng thủy sản nâng cấp đầu tư thiết bị hiện đại và ứng dụng quy trình nuôi trồng tiên tiến.
- Nhà máy Thái Sơn mới thành lập tại Cần Thơ là mối đe dọa đáng chú ý trong việc chia sẻ thị phần thủy hải sản với Chiếu xạ An Phú, Công ty Thái Sơn ở gần các nhà sản xuất - xuất khẩu hàng thủy hải sản nên dễ hàng thu hút khách hàng và chiếm lĩnh phần lớn thị phần tại các tỉnh miền Tây.
- Công nghệ bức xạ hiện vẫn còn là một công nghệ mới đối với Việt Nam, hiện nay chủ yếu các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản biết đến ứng dụng của công nghệ bức xạ, các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác như y tế, công nghiệp, nông nghiệp... vẫn còn chưa biết nhiều đến ứng dụng của công nghệ này.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Trong lĩnh vực chiếu xạ tại Việt Nam hiện nay có 5 đơn vị tham gia vào ngành với quy mô từ nhỏ đến lớn. Các đơn vị phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học gồm có Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, Trung tâm nghiên cứu khai thác công nghệ bức xạ (Vina gamma) Thủ Đức. Các doanh nghiệp sử dụng công nghệ bức xạ trong công nghệ thực phẩm có: Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú ở tỉnh Bình Dương, Công ty Sơn Sơn ở huyện Bình Chánh, Công ty Thái Sơn tại KCN Trà Nóc, Cần Thơ. Công ty Sơn Sơn và Công ty Chiếu xạ An Phú có công suất tương đương nhau, công suất của mỗi nhà máy là 100 tấn/ngày. Tuy nhiên, sự khác biệt lớn nhất là công nghệ của dây chuyền chiếu xạ. Công ty Sơn Sơn ứng dụng máy gia tốc phát tia X, Công ty Chiếu xạ An Phú sử dụng nguồn Cobalt 60 phát tia Gamma. Mỗi Công ty đều có thế mạnh riêng biệt về yếu tố công nghệ. Dây chuyền chiếu xạ của Công ty Sơn Sơn rất phù hợp với đối tượng chiếu xạ mặt hàng trái cây, trong khi đó Công ty Chiếu xạ An Phú lại có ưu thế hơn đối với mặt hàng thuỷ hải sản. Máy móc thiết bị của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh là hiện đại nhất, có thể chiếu xạ rất nhiều

các loại hàng hoá: các sản phẩm dịch vụ ngành y tế, rau quả, ngũ cốc, dược phẩm, thủy hải sản...Công suất dây chuyền lớn, thời gian xử lý nhanh, tiết kiệm thời gian chờ đợi của khách hàng.

Trung tâm Vina Gam-ma tại Thủ Đức cũng đưa thiết bị khai thác vào lĩnh vực kinh doanh nhưng chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong thị phần chiếu xạ. Đầu tháng 07/2009, thị trường đã có thêm một đối thủ cạnh tranh là Công ty Thái Sơn đặt tại KCN Trà Nóc, Tp. Cần Thơ với công suất hiện tại tương đương 70% công suất của Chiếu xạ An Phú. Điều này sẽ tạo ra sự cạnh tranh gay gắt hơn giữa các đơn vị chiếu xạ trong thời gian tới

Hiện tại thị trường chiếu xạ hiện nay được chia ra làm ba phân khúc chính:

- Phân khúc thứ nhất là thị trường thủy hải sản, thực phẩm tiêu dùng, đây là thị trường quan trọng chủ yếu của các công ty dịch vụ chiếu xạ hiện đang khai thác. Sản phẩm chủ yếu của phân khúc thị trường này là: Thuỷ hải sản, rau quả, ngũ cốc… Phân khúc thị trường này tập trung chủ yếu ở Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Duyên Hải từ Miền Trung vào Cà Mau…
- Phân khúc thị trường thứ hai là thị trường của các sản phẩm trang thiết bị y tế diệt khuẩn như: găng tay phẫu thuật, băng gạc và Đông Nam Dược…
- Phân khúc thị trường trái cây xuất khẩu sang Mỹ, bao gồm 16 mặt hàng.

Thị trường tiêu thụ dịch vụ của Công ty chủ yếu là các khách hàng trong chế biến thủy hải sản ở miền Tây và Đông Nam Bộ: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau, Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Ngoài các đơn vị trong ngành thủy hải sản, Công ty còn cung cấp dịch vụ cho các đơn vị sản xuất các mặt hàng trái cây, dược phẩm, thực phẩm chế biến...Các mặt hàng sau khi đã qua xử lý chiếu xạ tại Công ty sẽ được xuất qua các nước Nhật Bản, EU, Đông Âu, Hàn Quốc, Mỹ, Châu Phi....

Ngoài dịch vụ chiếu xạ, Công ty còn khai thác kho lạnh với công suất hữu dụng là 2.100 tấn với thiết bị được nhập khẩu từ Châu Âu. Công suất cho thuê kho đạt 100% vào mùa cao điểm. Với lợi thế kho hàng Công ty có thể phục vụ khách hàng có nhu cầu trữ hàng sau khi chiếu xạ.

Tuy nhiên, xét về mặt vị trí địa lý thì Công ty Sơn Sơn, Công ty Thái Sơn gần vùng nguyên liệu thuỷ sản hơn, trong khi đó Công ty Chiếu xạ An Phú lại gần vùng nguyên liệu trái cây hơn so với đối thủ cạnh tranh của mình.

Theo thống kê sơ bộ thị phần của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú trên thị trường này chiếm khoảng 60%, 40% thị phần còn lại thuộc về các Công ty còn lại trong ngành.

10. Triển vọng phát triển của ngành

Thủy sản của Việt Nam hiện đang đó mặt trên 105 quốc gia và vùng lãnh thổ, tốc độ tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu bình quân trong 10 năm qua được duy trì trên 10% và riêng năm 2006 đạt 27%. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam hiện ở vị trí một trong 10 nước có giá trị xuất khẩu hàng đầu thế giới và nằm trong nhóm 4 ngành hàng có giá trị xuất khẩu hơn 3 tỷ USD của Việt Nam trong năm 2007, năm 2008 giá trị xuất khẩu đạt khoảng 4,5 tỷ USD.

Bên cạnh đó, Việt Nam sẽ triển khai các chương trình xuất khẩu đối với một số loại trái cây như: nhãn, chôm chôm, xoài, vải, vú sữa... sang Hoa Kỳ và các nước khác. Lô hàng thanh long đầu tiên của Việt Nam được chính thức xuất khẩu vào thị trường Mỹ vào cuối tháng 10 năm 2008, đã mở ra triển vọng mới cho việc xuất khẩu trái thanh long và các mặt hàng quả tươi nói chung sang thị trường này. Việc xuất khẩu quả tươi sang Hoa Kỳ phải trải qua các thủ tục chặt chẽ đã được thỏa thuận giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, cũng như phải tuân thủ các cam kết và nghĩa vụ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật của các nước theo Hiệp định SPS. Quy trình "Tiền chứng nhận cho thanh long xuất khẩu sang Mỹ bằng chiếu xạ" được áp dụng theo ba công đoạn: nhà vườn (trang trại), xưởng đóng gói và quy trình chiếu xạ. Hiện tại phía đối tác của Hoa Kỳ mới cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn chiếu xạ cho Công ty Sơn Sơn và Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú hoạt động trong ngành chiếu xạ

Trước tình hình trên, tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nước nhập khẩu đối với các mặt hàng thủy hải sản, trái cây..ngày càng khắt khe. Vì vậy, nhu cầu chiếu xạ các mặt hàng thủy hải sản, trái cây...là rất cao, không những đối với thị trường xuất khẩu, mà ngay cả trong nước nhu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm đang được đặt ra như một tiêu chí hàng đầu. Khử trùng và xử lý bằng công nghệ bức xạ hiện nay được xem như một biện pháp hữu hiệu nhất vì đảm bảo được tỷ lệ an toàn cao đồng thời không làm mất đi mùi vị của sản phẩm do không phải xử lý bằng nhiệt độ.

Bảng 14- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản nuôi trồng trong giai đoạn 2004 – 2008

Năm	2004	2005	2006	2007	2008
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	2.408	2.732	3.358	3.763	4.508
% tăng so với năm trước	9,5	13,4	22,9	12,06	19,8

(Nguồn: Tổng cục Thống kê và Hiệp hội chế biến và Xuất khẩu thủy sản)

Bảng 15 – Giá trị sản xuất nuôi trồng thủy hải sản qua các năm 2004 -2008

Năm	2004	2005	2006	2007	Sơ bộ 2008
Giá trị sản xuất (tỷ đồng)	34.271,1	40.778,3	49.194,9	60.098,6	76.895,1
% tăng so với năm trước	30,88%	18,99%	20,64%	22,16%	27,95%

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Bảng 16 - Sản lượng nuôi trồng thủy hải sản qua các năm 2004 -2008

Năm	2004	2005	2006	2007	Sơ bộ 2008
Cá – Fish (nghìn tấn)	761,6	971,2	1.157,1	1.530,3	1.863,3
Tôm – Shrimp (nghìn tấn)	281,8	327,2	354,5	384,5	388,4
Tổng cộng	1202,5	**1478,0**	**1693,9**	**2.123,3**	**2.465,6**

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

11. Đánh giá về sự phù hợp định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế của thế giới

Năng lượng nguyên tử (NLNT) được tạo ra do các biến đổi trạng thái của nguyên tử và hạt nhân thành 2 dạng là năng lượng bức xạ và năng lượng phân hạch, các dạng năng lượng này được ứng dụng trong đời sống kinh tế - xã hội.

Ở Việt Nam, năng lượng bức xạ được ứng dụng trong y tế, nông nghiệp, vệ sinh thực phẩm, công nghiệp, địa chất, khoáng sản, xây dựng, dầu khí...Tuy nhiên phạm vi và hiệu quả ứng dụng cũng còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và sự phát triển.

Có thể liệt kê một số ứng dụng tiêu biểu của việc ứng dụng công nghệ bức xạ bằng nguồn cobalt 60 tại Công ty Chiếu xạ An Phú như sau:

❖ **Ứng dụng trong y tế**

Tiệt trùng dụng cụ y tế: Lợi ích chủ yếu của tiệt trùng bằng chiếu xạ lên thiết bị, dụng cụ y tế ở chỗ sản phẩm được xử lý trong vài giờ. Trong khi việc xông hơi Ethylene-Oxide cần nhiều ngày, nhiều tuần để sản phẩm "nhả khí", nghĩa là phải đầu tư tốn kém nhiều hơn và còn để lại độc tố ảnh hưởng đến sức khỏe. Các sản phẩm được chiếu xạ như: kính áp tròng, găng tay, đồ dùng phẫu thuật, máy siêu âm, bình sữa dành cho trẻ em, tả lót trẻ, đĩa nuôi cấy vi khuẩn…

❖ **Ứng dụng trong nông nghiệp**

Các nghiên cứu chiếu xạ một số giống cây (ngô, khoai, lúa, một số loài hoa, dâu tằm…) ở liều kích thích hoặc đột biến để tạo giống có năng suất cao hơn hoặc thích hợp hơn với điều kiện môi trường khắc nghiệt. Chiếu xạ trái cây xuất khẩu sang Mỹ.

❖ **Ứng dụng trong thực phẩm**

Thực phẩm được bảo quản bằng công nghệ bức xạ là thực phẩm đã được xử lý bằng các nguồn có hoạt tính phóng xạ để bảo quản và ngăn ngừa sự biến chất của thực phẩm.

Đây là phương pháp mới có tính năng kỹ thuật cao, có nhiều ưu điểm hơn so với phương pháp khử trùng cổ điển bằng nhiệt hoặc hoá chất, được ứng dụng ngày càng phổ biến trong ngành công nghiệp thực phẩm. Mỗi năm có hàng ngàn tấn thực phẩm đã được đưa vào để chiếu với liều lượng cho phép để diệt khuẩn. Thực chất phương pháp khử trùng bằng tia gamma là chiếu tia với lưu lượng cho phép để diệt khuẩn. Đối với các lô hàng thực phẩm xuất khẩu, với kỹ thuật đông lạnh chỉ mới kìm hãm được sự sinh trưởng các vi sinh vật nhiễm trong thực phẩm, tuy nhiên nếu đưa vào chiếu các vi sinh vật sẽ bất

hoạt. Việc xử lý rất đơn giản, không cần tháo bỏ bao gói, việc xử lý không độc, không làm tan băng đối với thực phẩm đông lạnh và không làm giảm giá trị dinh dưỡng.

Hiện nay trên thế giới, 37 quốc gia đã có luật cho phép chiếu xạ thực phẩm và có hơn 30 nhà máy xử lý đã được xây dựng để xử lý và bảo quản hơn 40 loại thực phẩm khác nhau, bao gồm trái cây, rau, ngũ cốc, thịt, gia cầm, thuỷ hải sản. Pháp lệnh Vệ sinh an toàn Thực phẩm đã được Bộ Y tế Việt Nam ban hành kèm danh mục thực phẩm được bảo quản bằng công nghệ này.

Tính an toàn về mặt sức khỏe cũng như lợi ích về kinh tế của thực phẩm chiếu xạ đã được các tổ chức có uy tín của Liên Hợp Quốc như Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Tổ chức Lương nông Thế giới (FAO), Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) nghiên cứu đầy đủ và công nhận.

❖ **Giảm thiểu bệnh dịch do thực phẩm**

Lợi ích mà chiếu xạ thực phẩm đem lại cho sức khoẻ cộng đồng là ngăn ngừa lây lan dịch bệnh do thức ăn. Nó loại trừ hay giảm thiểu hẳn vi trùng gây bệnh hay vi sinh có hại khác đe dọa cho sức khoẻ chúng ta và thực phẩm sử dụng. Nhiều loại vi sinh này như Salmonella, Escherichia coli 0157: H7, Staphylococcus aureus, Listeria monocytogenes, Camylobacter jejuni và Toxoplasma gondii… có mặt trong thực phẩm và từng gây nhiều dịch bệnh cho con người.

❖ **Kéo dài thời hạn sử dụng**

Bên cạnh việc làm giảm thiểu dịch bệnh vi trùng vốn vô cùng quan trọng với an toàn vệ sinh cộng đồng, việc chiếu xạ thực phẩm còn có những lợi ích to lớn khác nữa: Nó giúp giữ tươi lâu hơn các loại thịt gia cầm, hải sản bằng cách loại trừ vi sinh gây thối rữa vốn có trong chúng. Thời hạn sử dụng của trái quả và rau tươi, thức ăn, thịt gia cầm, cá và đồ biển có thể được kéo dài hơn nhiều nếu kết hợp việc chiếu xạ liều thấp và giữ đông lạnh. Nhiều vi sinh vật gây thối nhũn như Pseudomonas spp, Salmonella tương đối nhạy với bức xạ, chẳng hạn một liều 2,5 kg chiếu vào gói thịt gà vịt nguyên con, vốn đã được xử lý theo qui tắc thực hành tốt (GMP) sẽ là đủ để loại trừ Salmonella, và cũng sẽ diệt được nhiều vi khuẩn gây thối nhũn, làm tăng gấp đôi thời hạn sử dụng của thực phẩm, miễn là bảo quản chúng ở dưới 5^0C. Việc chiếu liều thấp có thể làm chậm chín một số thứ quả trái, kìm hãm sự nảy mầm, chống hư thối do nấm ở một số khác, chống ủng cho vài thứ rau…nhờ đó kéo dài được thời hạn sử dụng của chúng.

❖ **Ứng dụng năng lượng bức xạ tại Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú**

Do mới bắt đầu hoạt động trong gần bốn năm và các ứng dụng của công nghệ bức xạ vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam nên thị trường của Công ty chủ yếu là xử lý trên thực phẩm (thủy hải sản, thịt gia cầm, trái cây), dụng cụ y tế và một số sản phẩm công nghiệp. Trong tương lai, với tiềm năng to lớn của công nghệ bức xạ, thị trường của Công ty chắc chắn sẽ mở rộng tới các ứng dụng trong công nghiệp và nông nghiệp. Hiện nay khách hàng của công ty là hầu hết các công ty thủy hải sản kéo dài khu vực miền Trung và miền Nam và đang hình thành nhóm khách hàng trái cây xuất khẩu đi Mỹ.

❖ **Tuyên bố của các tổ chức tế về công nghệ chiếu xạ**

WHO (World Health Organization- tổ chức y tế thế giới):

Chiếu xạ thực phẩm là quá trình đã được kiểm nghiệm kỹ lưỡng. Nó bảo đảm cung cấp thực phẩm an toàn và bổ dưỡng hơn "vì có khả năng tiêu diệt mầm bệnh trong thực phẩm rắn". Kể từ khi Pasteur áp dụng thanh trùng sữa tươi đến nay thì chiếu xạ có thể được coi là đóng góp to lớn nhất cho y tế cộng đồng mà nền khoa học công nghệ thực phẩm đã đem lại.

"Qui tắc vàng cho an toàn thực phẩm là " chỉ mua sữa tươi đã Pasteur hoá, và nếu được thì hãy chọn thịt tươi hoặc đông lạnh đã chiếu xạ"

FAO (Food and Agriculture Organization) :

Việc chiếu xạ thực phẩm hiển nhiên là không độc hại và không gây biến đổi chất dinh dưỡng trong thực phẩm

FAO/IAEA/WHO (Uỷ ban thanh sát liên hợp):

"Việc chiếu xạ cũng giống như xử lý thực phẩm bằng nhiệt hay đông lạnh được dùng trong việc bảo quản thực phẩm kể từ 1976"

USDA (Cơ quan nghiên cứu nông nghiệp):

"Là một biện pháp thay thế hiệu quả và an toàn cho methyl oxide, chiếu xạ không gây ra thêm hiệu ứng có hại nào".

ICGFI (International Consultative Group on Food Irradiation-Nhóm tư vấn quốc tế về chiếu xạ thực phẩm):

"Không có nguy cơ nào về an toàn thực phẩm kèm theo với công nghệ chiếu xạ"

12. Chính sách đối với người lao động

❖ **Số lượng lao động tại Công ty**

Tính đến thời điểm 30/09/2009, tổng số lao động của Công ty là 120 người. Trong đó lao động nữ là 10 người. Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 17 – Tình hình lao động tại Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

Trình độ	Số lượng lao động (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo đối tượng lao động		
Lao động trực tiếp	93	77,5
Lao động gián tiếp	27	22,5
Phân theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học trở lên	12	10

Cao đẳng, trung cấp	22	18,33
Công nhân kỹ thuật, lao động sơ cấp	86	71,67

(*Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú*)

❖ **Chính sách lương thưởng, trợ cấp, đào tạo cho người lao động**

▪ ***Chế độ làm việc***

Thời gian làm việc: Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú luôn quan tâm đến chính sách đối với người lao động. Số giờ làm việc trong tuần là 48 tiếng/tuần. Một ngày 3 ca, số giờ mỗi ca 8 tiếng. Môi trường làm việc trong nhà máy tuân thủ theo các quy định tiêu chuẩn ngành.

Bảo hộ lao động: Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, đối với công nhân làm việc trong kho lạnh còn được trang bị đồ bảo hộ chống lạnh theo đúng quy định. Bên cạnh đó, các quy định về phòng cháy chữa cháy được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt

Chế độ khám sức khoẻ cho người lao động: Trong năm 2008 Công ty thực hiện ký hợp đồng đo liều bức xạ cho công nhân lao động trực tiếp với tổng kinh phí 64.692.600 đồng. Công ty cũng đã ký hợp đồng với Trung tâm lao động – Sức khoẻ - Môi trường – Sở y tế tỉnh Bình Dương đến khám sức khoẻ cho định kỳ cho người lao động.

▪ ***Chính sách tuyển dụng và đào tạo cho người lao động***

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tùy theo yêu cầu công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể đáp ứng yêu cầu chung là trình độ chuyên môn, tay nghề cao, nhiệt tình và năng động.

Công tác đào tao: Định kỳ 2 năm/lần Công ty mở lớp tập huấn An Toàn Bức Xạ do giảng viên của Cục An toàn bức xạ đào tạo. Bên cạnh đó, Công ty còn cấp kinh phí cho cán bộ quản lý tham gia các lớp học quản lý ngắn hạn. Đối với công nhân kỹ thuật Công ty có chính sách hỗ trợ về kinh phí và thời gian để công nhân có thể vừa học vừa làm.

Trong năm Công ty cũng đã thực hiện kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn quản lý cho những cán bộ chủ chốt tại trung tâm đào tạo nguồn nhân lực cao cấp PACE, kế hoạch này đem lại nhiều hiệu quả tích cực trong công tác nghiệp vụ, và có tác động khá tốt động sức phấn đấu, vươn lên của đội ngũ quản trị Công ty Chiếu xạ An Phú.

▪ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Chính sách lương: Lương của công nhân trực tiếp sản xuất bao gồm tiền lương căn bản và lương dựa trên năng suất và hiệu quả lao động, ngoài ra công nhân còn được nhận các khoản phụ cấp khác tùy theo tính chất công việc. Đối với lao động ngoài giờ thì Công ty sẽ trả lương ngoài giờ cho người lao động. Làm thêm giờ ngày làm việc bình thường tính lương hệ số 150%, làm thêm giờ ngày nghỉ trong tuần hệ số 200%, làm thêm

giờ ngày lễ hệ số 300%. Chính sách tăng lương sẽ được thực hiện theo quy chế của Công ty.

Chính sách khen thưởng: Công ty áp dụng chế độ khen thưởng đối với nhân viên khi có sáng kiến, giải pháp hữu ích mang lại hiệu quả thiết thực, hoặc khi người lao động hoàn thành công việc với tinh thần trách nhiệm cao, vượt năng suất

Chế độ phúc lợi: Công ty luôn đóng đầy đủ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đúng chế độ của Luật Lao động. Bên cạnh đó Công ty còn có các chế độ phụ cấp khác nhau dành cho người lao động: Phụ cấp độc hại từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/người/tháng tùy theo đối tượng công việc, phụ cấp ăn giữa ca: 12.000 đồng/suất, phụ cấp công tác 50.000 đồng/ngày.

Ngoài ra, Công ty đã tổ các hoạt động thể dục, thể thao giao lưu với các đơn vị bạn nhằm xây dựng phong trào vui khoẻ, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, làm tác động tốt đến năng suất lao động tại Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động tham quan du lịch hằng năm cũng được duy trì theo tiền lệ. Công ty dùng nguồn quỹ phúc lợi tổ chức cho tất cả CBCNV tham quan du lịch trong và ngoài nước tạo điều kiện tái tạo sức khoẻ cho người động tại Công ty.

❖ **Tình hình thu nhập công nhân viên**

Bảng 18 – Mức lương và thu nhập bình quân của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng /giảm
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	4.687.960	5.289.110	12,8
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	4.687.960	5.289.110	12,8
Lao động bình quân (người)	103	120	16,5

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

So với các doanh nghiệp khác trên địa bàn, mức lương của cán bộ công nhân viên Công ty là tương đối khá và ổn định. Công ty cũng đã nỗ lực sửa đổi quy chế tiền lương cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Thu nhập của người lao động gia tăng, chứng tỏ chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động khá tốt.

13. Chính sách cổ tức

Cổ tức của Công ty được quyết định bởi Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Ngoài ra, một số quy định chi tiết về chính sách cổ tức được ghi rõ trong Điều 40– Điều lệ Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú

❖ **Tỷ lệ chia cổ tức qua các năm như sau**

Bảng 19 – Tỷ lệ chia cổ tức qua các năm và dự kiến chia cổ tức năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Năm	2007	2008	Dự kiến 2009
Lợi nhuận sau thuế	17.887.314.610	27.841.273.259	26.084.647.301
Cổ tức (%)	20%	25%	25%

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

14. Tình hình hoạt động tài chính của Công ty

14.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 20 – Tình hình khấu hao TSCĐ của Công ty

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	7-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

Quyền sử dụng đất có thời hạn	20
Phần mềm quản lý kho lạnh	5

(Nguồn Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú)

b. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm quản lý kho lạnh. Đây là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến sử dụng đất và phần mềm quản lý kho lạnh.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, năm 2008 và báo cáo tài chính 9 tháng năm 2009 của Công ty, đến thời điểm 30/09/2009, Công ty không còn nợ ngân hàng và đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT): Công ty có nghĩa vụ nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng như sau: Dịch vụ chiếu xạ các sản phẩm chịu thuế suất giá trị gia tăng 5%, dịch vụ chiếu xạ các sản phẩm chịu thuế suất giá trị gia tăng 10%, dịch vụ lưu kho bốc xếp 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm 2005 theo công văn số 2554/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế Bình Dương. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 73/CN-UB ngày 30/06/2003 của UBND tỉnh Bình Dương.

Các loại thuế khác: Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Bảng 21 – Bảng thống kê thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Năm	31/12/2008	30/09/2009
1. Thuế giá trị gia tăng	284.087.040	95.405.938
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	777.525.068	1.484.247.335
3. Thuế thu nhập các nhân	49.053.045	69.301.641
Tổng cộng	**1.110.665.153**	**1.648.684.914**

(Nguồn Báo cáo đã được kiểm toán bởi Công ty AASCN và báo cáo tài 9T/2009 của Công ty)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua. Công ty thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Bảng 22 – Số dư các quỹ

Đơn vị: đồng

Năm	31/12/2008	30/09/2009
1. Quỹ đầu tư phát triển	0	0
2. Quỹ dự phòng tài chính	2.286.337.300	2.286.337.300
3. Quỹ khen thưởng	2.149.106.441	660.150.149
Tổng cộng	**4.435.443.741**	**2.946.487.449**

(Nguồn Báo cáo đã được kiểm toán bởi Công ty AASCN và báo cáo tài chính 9T/2009 của Công ty)

❖ **Tổng dư nợ vay**

Số dư các khoản vay vào ngày kết thúc niên độ kế toán của năm tài chính 2008, 30/09/2009 như sau:

Bảng 23 – Số dư các khoản nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	30/09/2009
Nợ ngắn hạn	**18.903.225.283**	**4.358.449.338**
Vay và nợ ngắn hạn	8.019.811.500	1.200.000.000
Phải trả người bán	240.116.480	453.091.092
Người mua trả tiền trước	1.559.384	14.426.026
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.110.665.153	1.648.684.914
Phải trả người lao động	1.542.153.586	815.403.223
Chi phí phải trả	171.316.668	70.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.817.602.512	156.844.083

Nợ dài hạn	**2.700.000.000**	**2.700.000.000**
Vay dài hạn và nợ dài hạn	2.700.000.000	2.700.000.000

(Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty AASCN và BCTC 9T/2009 của Công ty)

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 24 – Số dư các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	30/09/2009
Phải thu của khách hàng	5.937.441.397	5.864.319.613
Trả trước cho người bán	46.030.000	3.928.125.121
Các khoản phải thu khác	321.154.600	1.714.647
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	0	0
TỔNG CỘNG	**6.304.625.997**	**9.794.159.405**

(Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty AASCN)

14.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 25 – Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 2007, 2008 và 9 tháng 2009

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2007	Năm 2008	9 tháng 2009
Chỉ tiêu thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,02	1,48	7,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,02	1,47	7,53
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21,5	18,7	5,8
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,4	22,9	6,2
Chỉ tiêu năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	266	216	151
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,33	0,47	0,39
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	43,41	50,9	50,3
Hệ số LNST/Vốn Chủ sở hữu	%	18,42	30,24	21,19
Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	14,23	24,04	19,85
Hệ số LNHĐKD/Doanh thu thuần	%	46,64	55,91	54,01

15. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng

15.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng

❖ **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Võ Hữu Hiệp	Chủ tịch HĐQT	1956	271801501
Ông Phan Minh Anh Ngọc	P. Chủ tịch HĐQT	1951	023142447
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên	1979	285000674
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	1981	012265668
Ông Trần Ngọc Thành	Thành viên	1944	020132852

❖ **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Huỳnh Hồng Vĩnh	Trưởng ban	1958	020029496
Bà Huỳnh Thị Từ Ái	Thành viên	1974	273197054
Ông Võ Anh Tú	Thành viên	1981	012136149

❖ **Ban giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Vương Đình Khoát	Giám đốc	1960	024666339
Ông Lê Cảnh Dương	P. Giám đốc	1971	022534335

❖ **Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Nguyễn Đắc Đoàn	Kế toán trưởng	1978	191416052

15.2. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng

❖ **<u>Hội đồng quản trị</u>**

Ông: **VÕ HỮU HIỆP**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Phú Vang, Bình Đại, Bến Tre
Ngày tháng năm sinh	28/12/1956	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Vang, Bình	Quốc tịch	Việt Nam

	Đại, Bến Tre		
Số CMND	271801501		
Địa chỉ thường trú	12 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xuân An, Thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai		
Điện thoại cơ quan	(064) 3881302	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
Quá trình công tác - Từ 10/1975 – 08/1980 : Giáo viên trường PTCS Di Linh Lâm Đồng - Từ 09/1980 – 08/1984 : Sinh viên trường Đại học Sư phạm Tp. HCM - Từ 09/1984 – 08/1987 : Giáo viên trường PTTH Cao su Đồng Nai - Từ 09/1987 – 12/1992 : Hiệu phó trường PTTH Cao su Đồng Nai - Từ 01/1993 – 07/1994 : Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa Suối Tre - Công ty Cao su Đồng Nai - Từ 08/1994 – 02/2005 : Trưởng phòng Hành chính quản trị Công ty Cao su Bà Rịa - Từ 03/2005 – 05/2008 : Phó Giám đốc Công ty Cao su Bà Rịa, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú. - Từ 09/2008 – nay : Phó Giám đốc Công ty Cao su Bà Rịa, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú.			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú.		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	1.094.000 cổ phần (tỷ lệ 12,66% VĐL) 94.000 cổ phần (tỷ lệ 1,09% VĐL) 1.000.000 cổ phần (tỷ lệ 11,57% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không		

Ông: **PHAN MINH ANH NGỌC**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Phổ Cường, Đức Phổ, Quảng Ngãi
Ngày tháng năm sinh	26/12/1951	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phổ Cường, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	023142447		
Địa chỉ thường trú	42 Điện Biên Phủ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh		
Điện thoại cơ quan	0913902431	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế		
Quá trình công tác - Từ năm 06/1977 - 06/1987: Phó Phòng cơ điện chế biến, Quyền trưởng phòng KCS Công ty Cao su Tây Ninh. - Từ 06/1987 – 12/1996 : Trưởng phòng KHVT, Quyền Giám đốc Công ty Cao su Chư Pảh - Từ 01/1997 -10/1998: Tổng Công ty Cao su Việt Nam điều về thành lập Công ty Tài chính Cao su - Từ 10/1998 – đến nay: Giám đốc Công ty Tài chính Cao su			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	554.300 cổ phần (tỷ lệ 6,42 % VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 554.300 cổ phần (tỷ lệ 6,42 % VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: không có			

Ông: **NGUYỄN ĐỨC THẮNG**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hà Tây
Ngày tháng năm sinh	18/12/1979	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tây	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	285000674		
Địa chỉ thường trú	Số 73 đường 23, Phường Tân Quy, Q7, Tp Hồ Chí Minh		
Điện thoại cơ quan	08.39106411	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế		
Quá trình công tác - Từ 10/2001 – nay : Công tác tại Công ty Chứng khoán Thăng Long - Từ 06/2006 - nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thực phẩm Cholimex - Từ 03/2008 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa - Từ 06/2007 -nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	11.199 cổ phần (tỷ lệ 0,13% VĐL) 11.199 cổ phần (tỷ lệ 0,13% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên, mối quan hệ với thành viên HĐQT: Vợ, số cổ phần sở hữu: 12.000 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ			

Ông: **LÊ VIỆT HÀ**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	18/12/1981	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	012265668		
Địa chỉ thường trú	P 108, E3 khu Vĩnh Phúc II, Ba Đình, Hà Nội		
Điện thoại cơ quan	0904111872	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế		
Quá trình công tác: - Từ năm 2001- 2004: Trợ lý Giám đốc điều hành – Công ty tư vấn đầu tư Contacts International hospital Group - Từ tháng 07/2004 – 12/2005: Kinh tế viên đầu tư tài chính – Trung tâm Đầu tư Bảo Việt – Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam. - Từ tháng 01/2006 - 03/2007: Phụ trách phân tích đầu tư chứng khoán – Công ty TNHH Quản lý Qũy đầu tư chứng khoán Bảo Việt - Từ tháng 04/2007 – 07/2007: Trợ lý dự án thành lập Công ty Quản lý Qũy SSI. - Từ tháng 08/2007 đến nay: Giám đốc Đầu tư cổ phiếu Công ty TNHH Quản lý Qũy SSI (SSIAM), Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: không			

Ông: **TRẦN NGỌC THÀNH**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Đồng Tháp
Ngày tháng năm sinh	20/12/1944	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Đồng Tháp	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	020132852		
Địa chỉ thường trú	162/15/24 đường Bình Lợi, Tp. Hồ Chí Minh		
Điện thoại cơ quan	0913906854	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Thuỷ lợi		
Quá trình công tác: - Từ tháng 06/1969 – 07/1976: Cán bộ Cục KTCB, Trường XDCB – Bộ Nông Trường - Từ tháng 08/1976 -08/1984: Cán bộ xây dựng cơ bản, quy hoạch kinh tế - Tổng Công ty Cao su Việt Nam. - Từ tháng 08/1984 – 04/1995: Vụ phó, Vụ trưởng Xây dựng cơ bản. - Từ tháng 06/2007 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	55.999 cổ phần (tỷ lệ 0,65% VĐL) 55.999 cổ phần (tỷ lệ 0,65% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không		

❖ **Ban Kiểm Soát**

Ông: **HUỲNH HỒNG VĨNH**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Sài Gòn
Ngày tháng năm sinh	31/03/1958	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Đồng Nai.	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	020029496		
Địa chỉ thường trú	315A Chung cư Phạm Thế Hiển, Phường 04, quận 08, Tp. HCM.		
Điện thoại cơ quan	08.39300682	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác: - Tháng 02/1981 – 06/1990: Kế toán tổng hợp -Phó Phòng kế toán Công ty phục vụ đời sống – Tổng cục Cao su Việt Nam - Tháng 07/1990 – 09/1995: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán – Tổng Công ty Cao su Việt Nam - Tháng 10/1995 – 1996: Thành viên ban Kiểm soát, Hội đồng quan trị Tổng Công ty Cao su Việt Nam - Tháng 08/1996 -05/2004: Kế toán trưởng Công ty Tài chính Cao su. - Tháng 06/2004 – 07/2005: Trưởng ban kiểm soát – HĐQT Công ty Tài chính cao su. - Tháng 08/2005 – nay: Phó Giám đốc Công ty Tài chính cao su thuộc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam.			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng ban Kiểm soát công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	7.999 cổ phần (tỷ lệ 0,092% VĐL) 7.999 cổ phần (tỷ lệ 0,092% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: Ông Huỳnh Thế Bảo, mối quan hệ với thành viên BKS: Con, số cổ phần sở hữu: 20.000 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ			

Bà: **HUỲNH THỊ TỪ ÁI**			
Giới tính	Nữ	Nơi sinh	Bình Định
Ngày tháng năm sinh	01/01/1974	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	273197054		
Địa chỉ thường trú	ấp Đức Trung, Bình Ba, Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu		
Điện thoại cơ quan	0643.881978	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác: - Từ tháng 01/1995 – 07/2004: Công tác tại Phòng tổ chức lao động, Công ty Cao su Bà Rịa - Từ 08/2004 -05/2008: Chuyên viên Phòng kế toán tài vụ, Công ty Cao su Bà Rịa - Từ 06/2008 – nay : Chuyên viên Phòng kế toán tài vụ, Công ty Cao su Bà Rịa, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Kiểm soát Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: Ông Nguyễn Minh Đoan, mối quan hệ với thành viên BKS: Chồng, số cổ phần sở hữu: 16.000 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ			

Ông: **VÕ ANH TÚ**			
Giới tính	Nữ	Nơi sinh	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	15/08/1981	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tĩnh	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	012136149		
Địa chỉ thường trú	số 3, hẻm 41/10/3, đường Hồng Hà, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội		
Điện thoại cơ quan	0439366321	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế		
Quá trình công tác: - Từ tháng 02/2004 – 06/2005: Chuyên viên tư vấn Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long. - Từ tháng 12/2006 – 04/2006: Chuyên viên tư vấn Công ty Chứng khoán An Bình. - Từ tháng 04/2007 – 06/2007: Chuyên viên tư vấn Công ty Chứng khoán VnDirect. - Từ tháng 04/2007 – nay: Chuyên viên phân tích – Công ty quản lý Qũy SSI			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Kiểm soát công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: không			

❖ **Ban Giám Đốc:**

Ông: **VƯƠNG ĐÌNH KHOÁT**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Gia Lai - KomTum
Ngày tháng năm sinh	07/03/1960	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tây	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	024666339		
Địa chỉ thường trú	176/1 Lý Tự Trọng, Quận 1, Tp. HCM		
Điện thoại cơ quan	06503712292	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí, Thạc Sỹ Quản Trị Tài Chính Ngân hàng		
Quá trình công tác: - Từ năm 1983 – 2000: Công tác tại Công ty Cao su Chư Pảh, thuộc Tập đoàn Cao su Việt Nam. - Từ năm 2000 – 2008: Công tác tại Công ty TNHH VietCollection Development. - Từ năm 2008 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Giám đốc Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: không			

Ông: **LÊ CẢNH DƯƠNG**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hải Hưng
Ngày tháng năm sinh	16/09/1971	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Mỹ, Bình Định	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	022534335		
Địa chỉ thường trú	542L1 Nguyễn Trãi, P87, Q5, Tp.HCM		
Điện thoại cơ quan	08.39300682	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí		
Quá trình công tác: - Từ 1994-1998: Cán bộ an toàn lao động của Tổng Công ty cao su Việt Nam - Từ 1999-2003: Giám đốc Xưởng bóng da của Công ty cổ phần Thể thao GERU - Từ 2003-nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc Công ty Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: không			

❖ **Kế toán trưởng**

Ông: **NGUYỄN ĐẮC ĐOÀN**			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Huế
Ngày tháng năm sinh	17/08/1978	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Huế	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	191416052		
Địa chỉ thường trú	24 Tôn Thất Cảnh, Phường An Đông, Tp. Huế		
Điện thoại cơ quan	08.39300682	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác: - Từ 2000 – 2002: Kế toán Tổng hợp – Công ty Cao su Kontum – Tổng Công ty Cao su VN - Từ 2002 – 2004: Kế toán Tổng hợp – Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An – Tổng Công ty Cao su VN - Từ 2004 – 2005: Phó Phòng kế toán Chi nhánh Công ty CP container Việt Nam - Từ 2005– 04/2007: Kế toán trưởng công ty TNHH KTTM Cao Anh Cường - Từ 04/2007 – 11/2007: Chuyên trách Ban kiểm soát Công ty CP Chiếu xạ An Phú - Từ 11/2007 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng Công ty CP Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: không			

16. Tài sản

16.1 Đất đai

Nhà máy Công ty đặt tại ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, Công ty bắt đầu xây dựng từ tháng 06/2003, khu đất có diện tích 14.868 m2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 150/QSDĐ/2003, thời hạn thuê đất là 20 năm

16.2 Nhà xưởng vật kiến trúc

Bảng 26 - Một số nhà xưởng vật kiến trúc chủ yếu của Công ty

STT	Danh mục	Diện tích	Số lượng	Chức năng
1	Nhà văn phòng	400 m2	01	Văn phòng làm việc.
2	Nhà ăn	200 m2	01	Phục vụ sinh hoạt cho CBCNV
3	Nhà xe	200 m2	01	Nhà để xe cho CBCNV
4	Nhà xưởng sản xuất	2.780 m2	03	Phục vụ chiếu xạ
5	Nhà nguồn 1	900 m2	01	Phục vụ chiếu xạ
6	Đường nội bộ	4.000 m2		Giao thông nội bộ, bãi đậu xe kho lạnh
7	Kho lạnh 200 tấn	336 m2	01	Cho thuê kho, chứa hàng trước và sau khi chiếu xạ
8	Nhà nguồn 2	900 m2	01	Phục vụ chiếu xạ
9	Kho lạnh 3000 tấn	1.134 m2	01	Cho thuê kho, chứa hàng trước và sau khi chiếu xạ

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

16.3 Một số máy móc thiết bị chủ yếu

Bảng 27 - Một số máy móc thiết bị chủ yếu của Công ty

STT	Danh mục	Xuất xứ	Năm sử dụng	Chức năng
1	Dây chuyền máy móc thiết bị 1	Châu Âu	2005	Chiếu xạ
2	Dây chuyền máy móc thiết bị 2	Châu Âu	2006	Chiếu xạ
3	Hệ thống kệ kho lạnh 3000 tấn	Châu Âu	2007	Bảo quản hàng lạnh
4	Thiết bị thí nghiệm	Châu Âu	2005	Thực hiện thí nghiệp

				mẫu chiếu xạ
5	Máy phát điện Cumin, tủ điện	Mỹ	2007	Bảo đảm nguồn điện liên tục

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

16.4 Giá trị tài sản cố định theo báo cáo quyết toán tại thời điểm 31/12/2008, 30/09/2009

Bảng 28 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2008, 30/09/2009

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Khoản mục	31/12/2008			30/09/2009		
		Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% GTCL/NG
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**68.662.593**	**51.221.528**	**74,59**	**74.601.648**	**52.606.182**	**70,51**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	32.041.785	26.190.265	81,73	36.648.152	29.124.110	79,46
2	Máy móc thiết bị	35.151.784	24.106.030	68,57	35.596.034	21.754.733	61,11
3	Phương tiện vận tải	1.102.043	717.369	65,09	1.952.844	1.517.071	77,68
4	Thiết bị quản lý	366.979	207.682	56,59	404.615	210.265	51,96
II	**Tài sản cố định vô hình**	**8.214.966**	**7.802.418**	**95,39**	**8.232.966**	**7.507.097**	**91,18**
1	Quyền sử dụng đất	8.178.966	7.770.018	95	8.178.966	7.463.307	91,25
2	Phần mềm kho lạnh	36.000	32.400	90	54.000	43.790	81,09
	Cộng	**76.841.559**	**59.023.947**	**76,81**	**82.834.615**	**60.113.279**	**72,57**

17. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm 2009 - 2011

Bảng 29 – Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2009 -2011

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	% tăng giảm	Giá trị	% tăng giảm	Giá trị	% tăng giảm
DT thuần	57.291	4,74	70.000	22,18	80.000	14,28
LN sau thuế	26.084	(6,31)	34.200	31,11	39.600	15,78
Tỉ lệ LNST/DTT (%)	45,53	(11,79)	48,86	7,31	49,5	1,3
Tỉ lệ LNST/VĐL (%)	30,18	(6,34)	37,41	23,95	43,32	15,79
Cổ tức (%)	25	0	30	20	35	16,67
Vốn điều lệ	86.400	0	91.400	5,79	91.400	0

(Nguồn Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú)

❖ **Những căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Dịch vụ chiếu xạ

Hiện nay trên thế giới có hơn 30 nước sử dụng công nghệ chiếu xạ thực phẩm để xử lý và bảo quản hơn 40 loại thực phẩm khác nhau bao gồm: trái cây, rau, ngũ cốc, thịt, gia cầm... Đây là một công nghệ đảm bảo an toàn về mặt vệ sinh thực phẩm và rất kinh tế. Có nhiều phương pháp để tiêu diệt vi sinh như: khử trùng bằng nhiệt độ hoặc bằng hoá chất. Tuy nhiên, các phương pháp trên luôn để lại một số khuyết điểm trên bề mặt sản phẩm. Vì vậy, phương pháp chiếu xạ vẫn có nhiều ưu điểm hơn so với các phương pháp khác. Đặc biệt khi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ chấp nhận khử trùng các tác nhân gây hại cho mặt hàng trái cây bằng phương pháp chiếu xạ đã mở ra cơ hội thực sự cho Công ty Chiếu xạ An Phú trong những năm tiếp theo.

Thời gian hoạt động từ 2005 – 2008 chất lượng dịch vụ của Chiếu xạ An Phú tương đối ổn định, đã tạo được uy tín trên thị trường, thu hút được nhiều khách hàng mới, thương hiệu của Công ty được khẳng định vững chắc trên thị trường. Hiện tại Công ty có hơn 250 doanh nghiệp trong các ngành thủy sản, chế biến thực phẩm, y tế, dược... đang sử dụng dịch vụ chiếu xạ của Công ty.

Tiềm năng mở rộng thị phần sang các sản phẩm khác ngoài thủy sản là khả quan như: các loại thuốc đông y nằm dưới dạng nguyên liệu bán thành phẩm, hoặc các loại gia vị trong tiêu dùng hàng ngày thị trường nội địa cũng như xuất khẩu.

Ngày 28/07/2009, dây chuyền chiếu xạ trái cây có công suất 30.000 tấn/năm đã hoàn tất xong các công tác chuẩn bị và chính thức đi vào hoạt động. Công ty sẽ chính

thức đi vào chiếu xạ mặt hàng trái cây, đây là cơ hội rất lớn để Công ty Chiếu xạ An Phú có thể mở rộng quy mô sản xuất và tăng trưởng. Ngoài ra, hoạt động chiếu xạ trái cây sẽ tạo thêm một khoản doanh thu đáng kể từ dịch vụ đóng gói trái cây trước khi chiếu xạ, góp phần gia tăng cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Năm 2005, Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn đã gửi danh sách dịch hại trên các loại cây ăn quả Việt Nam và đề nghị phía Mỹ cho phép nhập khẩu 16 loại trái cây tiềm năng của Việt Nam vào thị trường Mỹ là: chuối, thanh long, sầu riêng, ổi, mận hậu, mít, vải, nhãn, xoài, dứa, bưởi, mận, chôm chôm, hồng xiêm, vú sữa, dưa hấu. Đây là nhóm hoa quả nhiệt đới vốn rất được người dân Mỹ ưa chuộng. Phần lớn các loại trái cây này đã hình thành nhiều vùng cây đặc sản ở nước ta, chuyên canh với diện tích rộng (vải thiều Lục Ngạn, nhãn Hưng Yên, thanh long Bình Thuận...)

Thị trường Mỹ có nhu cầu nhập khẩu trái cây rất lớn, hằng năm nhập khẩu trái cây khoảng 7 tỷ USD...). Phía Mỹ đã cho phép Việt Nam xuất khẩu trái thanh long vào Mỹ từ ngày 31/07/2008 với một trong những điều kiện bắt buộc là thanh long phải được xử lý qua phương pháp chiếu xạ. Điều này mở ra cơ hội rất lớn cho ngành chiếu xạ Công ty do hiện nay chỉ có Công ty Sơn Sơn và Công ty Chiếu Xạ An Phú có đủ điều kiện chiếu xạ thanh long xuất khẩu sang Mỹ.

Hiện tại, Bình Thuận có diện tích trồng thanh long lớn nhất cả nước với trên 10.000 ha, sản lượng trên 150.000 tấn/năm. Ngoài Bình Thuận, 2 tỉnh còn lại có diện tích Thanh Long khá lớn là Tiền Giang và Long An với khoảng 3.000 ha, sản lượng khoảng 40.000 tấn/năm.

Bên cạnh đó, theo như phê duyệt của Chính phủ về quy hoạch Tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng năm 2020 của Chính phủ thì mục tiêu cụ thể trong thời kỳ 2006 -2010 như sau:

- ✓ Chỉ tiêu về tăng trưởng:

+ Sản lượng tăng với tốc độ bình quân 3,8%/năm;

+ Giá trị kim ngạch xuất khẩu thuỷ sản tăng với tốc độ bình quân 10,63%/năm

- ✓ Chỉ tiêu về tổng sản lượng ngành thủy sản đến năm 2010 đạt 3,5 đến 4 triệu tấn, trong đó :

+ Sản lượng nuôi trồng đạt 2 triệu tấn;

+ Sản lượng khai thác hải sản đạt 1,5 – 1,8 triệu tấn;

+ Sản lượng khai thác nội địa đạt 0,2 triệu tấn.

- ✓ Giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 4 tỷ USD

Với mục tiêu phát triển ngành thủy hải sản của Chính phủ đặt ra như trên thì nhu cầu chiếu xạ các mặt hàng thủy sản của các doanh nghiệp xuất khẩu trong ngành ngày càng cao. Điều này có tác động tích cực đến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong những năm tới

Dịch vụ cho thuê kho lạnh

Nhu cầu thuê kho lạnh của các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng thủy sản trong những năm gần đây ngày càng tăng cao. Tuy dịch vụ thuê kho tại Công ty mới đưa vào hoạt động trong năm 2007, nhưng kết quả đạt được rất khả quan. Lợi thế của Công ty là có hệ thống kho lạnh 3.000 tấn (công suất hữu dụng 2.100 tấn) với các thiết bị nhập khẩu từ Châu Âu bảo đảm được nhu cầu lưu kho của các doanh nghiệp trước và sau khi chiếu xạ. Trong năm 2008, Công ty đã cải tiến nâng cao công suất kho lạnh bằng cách nâng cấp và sắp xếp lại vị trí của các kệ hàng một cách hợp lý nhằm tận dụng được hết các khoảng không gian trống của kho và nâng cao tối đa công suất sử dụng kho của Công ty.

❖ **Các giải pháp thực hiện kế hoạch**

Tổ chức công tác kinh doanh

- Tập trung khai thác ngành hàng mới như rau quả, trái cây và các sản phẩm từ thịt nhằm chuyển hướng chiến lược kinh doanh lâu dài, để bù đắp thị phần các mặt hàng thuỷ hải sản có nguy cơ ngày càng giảm sút. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn theo dõi và củng cố lại thị phần truyền thống lâu nay của mình vốn là thị phần mang lại doanh thu chủ yếu cho Chiếu xạ An Phú trong các năm qua (trên 90% sản lượng chiếu xạ của Công ty)
- Tăng cường hơn nữa tính chuyên nghiệp trong phục vụ khách hàng nâng cao chất lượng dịch vụ truyền thống, tận tâm với dịch vụ hậu mãi và chăm sóc khách hàng.
- Tăng cường phương pháp bán hàng "ngoại giao chiến lược cấp công ty" do sản phẩm dịch vụ chiếu xạ là sản phẩm đặc thù của kênh bán hàng B2B (không thể sử dụng kênh truyền thông đại chúng để quảng bá sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng được)
- Giá cả vốn là yếu tố quan trọng trong năm cạnh tranh 2009 do có sự xuất hiện của đối thủ cạnh tranh mới vào ngành.

Công tác đào tạo

- Đào tạo tiếng Anh tại chỗ cho CBCNV, đặc biệt là cấp quản lý, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong tương lai.
- Tiếp tục thực hiện học tập và thực hành 17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm của soạn giả John C Maxwell.
- Đào tại nâng cao kiến thức về chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên kỹ thuật, huấn luyện công nhân làm việc theo nguyên tắc vận hàng tiêu chuẩn (SOP) của APHIS nhằm phục vụ chương trình chiếu xạ trái xuất khẩu đi Mỹ.

Về Công nghệ

- Cải tạo nâng cấp nhà nguồn 1 theo yêu cầu của APHIS để chuẩn bị chiếu xạ trái cây.

- Nghiên cứu phương pháp chiếu xạ nhằm giảm thiểu việc sử dụng dummy, nâng cao công suất chiếu hàng.
- Nghiên cứu ứng dụng chiếu xạ các mặt hàng mới ngoài thủy sản, trái cây nhằm đa dạng hoá sản phẩm dịch, khai thác hết ứng dụng của kỹ thuật chiếu xạ

18. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng ngành chế biến xuất khẩu thủy sản nói riêng và ngành chế biến thực phẩm nói chung cũng như tính ứng dụng đa dạng của công nghệ chiếu xạ, chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu chiếu xạ khử trùng, bảo quản các mặt hàng thực phẩm, dụng cụ y tế cũng như nhu cầu chiếu xạ nâng cao chất lượng các sản phẩm công nghiệp ngày càng tăng cao. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ duy trì tốt trong những năm tới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 3 năm 2009-2011 là có tính khả thi và như vậy thì Công ty sẽ đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin do Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú cung cấp và các thông tin có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Căn cứ vào Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường số 150/NQ-ĐHCĐ-API ngày 10/10/2009 Công ty Cổ phần chiếu xạ An Phú sẽ phát hành 2.808.000 cổ phiếu để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy chiếu xạ mới tại Khu công nghiệp Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Công suất nhà máy 150 tấn/ngày (dây chuyền dùng nguồn xạ Cobalt 60)Thời gian dự kiến phát hành vào quý I/2009.

Cơ cấu vốn và cơ cấu phát hành như sau:

Bảng 30- Cơ cấu phát hành

STT	Nội dung	Số vốn cần huy động (tr.đồng)	SL CP phát hành thêm (cp)	Hình thức huy động
1.	**Vốn cổ phần**	**28.080**	**2.808.000**	
1.1	Phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 4:1) với giá phát hành bằng mệnh giá	21.600	2.160.000	Công ty tạm chi cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 25%. Cổ đông có thể sử dụng tiền cổ tức để mua cổ phần phát hành thêm.
1.2	Phát hành thêm cho CB-CNV Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá	4.320	432.000 (Tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ hiện hữu)	Nộp tiền theo số lượng cổ phiếu được quyền mua.
1.3	Phát hành thêm cho HĐQT, BKS và các cổ đông chiến lược với giá phát hành bằng mệnh giá	2.160	216.000 (Tỷ lệ 2,5% trên vốn điều lệ hiện hữu)	Nộp tiền theo số lượng cổ phiếu được quyền mua.
2.	**Vốn tín dụng**	**90.000**		Vốn vay sẽ được giải ngân theo tiến độ đầu tư thực tế
3.	**Nguồn khác**	**31.920**		Nguồn Khấu hao và nguồn khác
	Tổng cộng	**150.000**		

(Nguồn Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú)

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng trong thời gian từ khi kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2008 đến thời điểm lập Bản cáo bạch không có hoạt động hoặc sự kiện nào cũng như các tranh chấp kiện tụng liên quan phát sinh làm ảnh hưởng đáng kể tới những thông tin đã được trình bày trên Bản cáo bạch này và khả năng hoạt động liên tục của Công ty

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá** 10.000 đồng
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết** 8.640.000 cổ phiếu
4. **Giá dự kiến niêm yết** 35.000 đồng
5. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Bảng 31- Danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Đăng ký Kinh doanh	Số CP sở hữu	Số cổ phần đại diện sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
Hội đồng quản trị						
1	Võ Hữu Hiệp (*)	271801501	94.000	1.000.000	1.094.000	
2	Phan Minh Anh Ngọc (**)	023142447	0	554.300	554.300	
3	Nguyễn Đức Thắng	285000674	11.199		11.199	
4	Trần Ngọc Thành	020132852	55.999		55.999	
5	Lê Việt Hà	012265668	0		0	
Ban Tổng Giám đốc						
1	Vương Đình Khoát	024666339	0		0	
2	Lê Cảnh Dương	022534335	0		0	
Ban Kiểm Soát						
1	Huỳnh Hồng Vĩnh	020029496	7.999		7.999	
2	Huỳnh Thị Từ Ái	273197054	0		0	
3	Võ Anh Tú	012136149	0		0	
Kế toán trưởng						
1	Nguyễn Đắc Đoàn	191416052	0		0	
Tổng cộng			**169.197**		**1.723.497**	

Ghi chú:

(*) Số lượng cổ phần nắm giữ của ông Võ Hữu Hiệp: 1.094.000 cổ phần.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 94.000 cổ phần
- Đại diện phần vốn công ty Cao su Bà Rịa: 1.000.000 cổ phần

(**) Số lượng cổ phần nắm giữ của ông Phan Minh Anh Ngọc: 554.300 cổ phần.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện phần vốn công ty Tài chính cao su: 554.300 cổ phần.

Theo quy định của Luật Chứng khoán, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu của mình trong vòng 06 tháng đầu tiên, 50% số cổ phiếu của mình trong vòng 06 tháng tiếp theo sau khi công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

6. Phương pháp tính giá

Phương pháp tính giá cổ phiếu của Công ty là phương pháp bình trọng số của 2 phương pháp chiết khấu dòng cổ tức và chiết khấu dòng tiền. Công thức tính giá như sau:

1. *Chiết khấu dòng cổ tức*

$$P\ 2009 = DIV\ 2009 + \frac{DIV\ 2010}{1+r} + \frac{DIV\ 2011}{(1+r)^2} + \frac{P2011}{(1+r)^2}$$

Trong đó:

$$P\ 2011 = \frac{D2012}{r - g}$$

- Hệ số chiết khấu dự kiến r = 15%
- Tốc độ tăng trưởng cổ tức từ năm 2011 trở đi ổn định là 0%, cổ tức các năm sau là 3.500 đồng/cổ phiếu

Bảng 30 – Định giá theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

Đơn vị tính đồng

Chỉ tiêu	Kết quả
DIV 2009	2.500
DIV 2010/(1+r)	2.608
DIV 2011/$(1+r)^2$	2.646

P 2011	23.333
P 2009	**25.398**

Giá cổ phiếu theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức khoảng 25.400 đồng/cổ phiếu.

2. *Chiết khấu dòng tiền thuần*

$$P\ 2009 = FCF\ 2009 + \frac{FCF\ 2010}{1+r} + \frac{FCF\ 2011}{(1+r)^2} + \frac{P2011}{(1+r)^2}$$

$$P\ 2011 = \frac{FCF\ 2011\ (1+g)}{r-g}$$

Bảng 31 – Định giá theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Kết quả
Chi phí sử dụng vốn - WACC	(1)	15%
Tốc độ tăng trưởng dòng tiền sau 2011E	(2)	3,5%
Hiện giá dòng tiền 2009E - 2011E	(3)	84.911.082.426
Hiện giá các khoản thu nhập sau năm 2011E	(4)	295.716.303.459
Tiền và các khoản tương đương tiền	(5)	3.932.206.157
Giá trị Công ty = (3) + (4) + (5)	(6)	384.559.592.042
Vay nợ (dài hạn) cuối năm 2009	(7)	2.700.000.000
Giá trị nguồn vốn chủ sở hữu = (6) – (7)	(8)	381.859.592.042
Khối lượng CP đang lưu hành = (8)/(9)	**(9)**	8.640.000
Giá cổ phiếu		**44.196**

Giá cổ phiếu theo phương chiết khấu dòng tiền là 44.200 đồng/cổ phiếu

3. *Bình quân trọng số các phương pháp*

Bảng 32 – Bình quân trọng số của các phương pháp chiết khấu dòng tiên và chiết khấu dòng cổ tức

Đơn vị tính: đồng

Phương pháp định giá	Trọng số	Kết quả
PP chiết khấu dòng cổ tức	50	25.400
PP chiếu khấu dòng tiền	50	44.200
Giá bình quân theo trọng số		34.800

Giá đề nghị ngày niêm yết đầu tiên của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú: 35.000 đồng/cổ phiếu.

Ghi chú: Do không có số liệu so sánh của các công ty cùng ngành đang niêm yết nên không thể tính giá niêm yết theo phương pháp so sách P/B, P/E

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Khi cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Trong trường hợp được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong đó quy định tổ chức cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, thì:

- Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).
- Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): *5%.*

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): *0,1% và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.*

- Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

8.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu =Thu nhập chịu thuế xThuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%

8.3. Đối với doanh nghiệp:

❖ **Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập doanh nghiệp chịu thuế trong 10 năm kể từ năm 2005 theo công văn số 2554/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 73/CN-UB ngày 30/06/2003 của UBND tỉnh Bình Dương và công văn số 2554/CV-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế Bình Dương.

❖ **Thuế Giá tri gia tăng:**

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, Thuế suất thuế GTGT như sau:

Dịch vụ chiếu xạ phục vụ cho nghiên cứu khoa học chịu thuế suất GTGT 5%, dịch vụ chiếu xạ các sản phẩm chịu thuế suất GTGT 10%, dịch vụ đá khô, dịch vụ bốc xếp 5%, dịch vụ đá dẻo, dịch vụ lưu kho 10%

❖ **Thuế xuất nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

❖ **Các loại thuế khác**

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Tại thời điểm 31/12/2008, Công ty đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Trụ sở chính:	273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội		
Tel:	(84.4) 3726 2600	Fax:	(84.4) 3726 2601
Chi nhánh:	Lầu 2, Tòa nhà PetroVietnam, 1 - 5 Lê Duẩn, Q.1, TP.HCM		
Tel:	(84.8) 3910 6411	Fax:	(84.8) 3910 6153
Email:	@vnn.vn	Web:	www.thanglongsc@com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)

Trụ sở:	29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	
Điện thoại:	08.3910.3908	Fax: 08.3910.4880

PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục 2:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục 3**: Báo cáo kiểm toán
4. **Phụ lục 4:** Các báo cáo tài chính
5. **Các phụ lục khác**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT **CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**	**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT** **CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG** **CN TP.HỒ CHÍ MINH**
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG